

# **PHẬT HỌC VĂN TẬP**



Tác giả: Pháp sư Sương Hoài  
Việt dịch Thích Thắng Hoan

## PHẬT HỌC VĂN TẬP VI

Tác giả: Pháp sư Sương Hoài  
Phụ tá Tác Giả chọn lọc  
Viết dịch Thích Thắng Hoan

### MỤC LỤC

[Phật Học Văn Tập 1,2](#)

[Phật Học Văn Tập 3](#)

[Phật Học Văn Tập 4](#)

[Phật Học Văn Tập 5](#)

Phật Học Văn Tập 6

## PHẬT HỌC VĂN TẬP VI

### I.- PHẬT BỒ TÁT CÙNG CHỨNH SANH.

#### I).- PHẬT THÍCH CA MÂU NI CÙNG MẪU CHỐT TÂM PHẬT.-

Thái Tử Tất Đạt Đa khi đản sanh cùng quần chúng không giống nhau, ngài giáng thế từ sườn bên hữu của mẫu thân Ma Da Phu Nhân, thân thể sanh ra đặng nhan sắc tợ vàng kim, thân có đầy 32 thứ hảo tướng, phóng ra ánh sáng to lớn, hình vĩ như bảo sơn. Điều không giống như các con cháu dân thường, Thái Tử Tất Đạt Đa, không phải chỉ không khóc, khi sanh ra tự đi bảy bước, tai mặt chỉ lên trời, tai trái chỉ xuống đất, lớn tiếng nói: [Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn.] Mười phương ba đời cũng không thể so sánh, đương nhiên là người bậc thầy vô thượng của trời người.

Khi thái tử sanh, người đời có các thứ cát tường hy hữu, thí dụ như, bầu trời quang đặng vạn dặm, đại địa chấn động, trăm hoa đua nở, thiên thần bảo vệ, đại địa khí tượng sung mãn nào là hòa bình, từ bi cát tường, mừng vui vân vân, lúc ấy có Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi các Thiên, đều đem 12 thứ nước hương thơm và các thứ danh hoa, từ hư không rải xuống, tắm rửa tẩy trần Thái Tử, gồm có cung nữ vẻ đẹp bùng bùng vàng tắm thái tử, cho đến dùng hương hoa danh quý thoa lên mình thái tử; theo sau đó có các thứ ca hát thanh nhã theo nhịp điệu đàn sáo, ngay lúc đó, vô lượng nhân thiên ủng hộ hai bên, hân hoan khuyến khích, thiên thần đại chấn, ở cõi trên dưới, đều nhiệt liệt chúc thọ Thái Tử Tất Đạt Đa giáng sanh ngày lành cảnh đẹp. Do đây các thứ triệu chứng, có thể thấy Thái Tử Tất Đạt Đa đều không phải là thân của một vị phàm nhân, mà chính là một vị Đại Thánh giáng thế

đầu đội trời chân đạp đất, mục đích là cần thiết lập khắp thuyền từ lục độ, cứu thoát khổ não của vô lượng chúng sanh.

Sau khi Phật diệt độ, nhân vì tín đồ Phật giáo cần kỷ niệm ngày Đản Sanh của Đức Phật, dùng biểu tượng ngưỡng vọng cùng tôn kính đối với Phật đản, nguyện mây từ của ngài biến khắp ba ngàn thế giới, nước bi rộng lợi tất cả hữu tình, cho nên mỗi năm đến ngày đầu 8 tháng 4 âm lịch, hoặc ngày 15 tháng 4 dương lịch, tín đồ toàn thế giới, tất nhiên có lần lượt long trọng tổ chức nghi lễ tắm Phật.

Tín đồ nước tôi mỗi năm cử hành nghi thức tắm Phật, hoàn toàn dùng bồn trong sạch và thanh khiết, trước hết để trên bàn cúng. Cũng có chỗ dùng các bó hoa tươi cắm thành cung điện theo kiểu nhà nhỏ, đem tượng Phật để tắm an trí chính giữa trong bồn đặt giữa cung điện. Kế đến rải hoa thơm trong bồn để tắm Phật. Người ăn chay thanh tịnh y phục chỉnh tề tập trung tụng kinh trì chú, niệm đến câu [Ngã kim quán dục chư Như Lai, tịnh trí trang nghiêm công đức tụ, ngũ trước chúng sanh linh ly cấu, đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân], đại chúng sắp xếp theo thứ tự ra khỏi vị trí, đến trước tượng Thái Tử lại xuống một lễ, quỳ xuống, kiền thành phụng đàn hương một biện, cắm vào trong lư hương nhỏ, sau đó cầm lấy muống canh tắm hai lần hai cánh tay của Thái Tử, tiếp theo lạy Phật một lễ rồi trở về vị trí. Đương nhiên các vị sau khi hành lễ xong, đại chúng nhất tề quỳ xuống hiến cúng, liền đem cơm cúng Phật mỗi mỗi bung chén cơm cúng Phật đưa lên ngang trán trên đầu, mặc niệm quán tưởng, cúng dường thập phương thường trụ Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Tức là đem Tam Đức (Tam Đức gồm có:

- a)- Pháp Thân Đức, tức là Pháp Thân, làn bản thể của Phật, trong người của mình có pháp tánh thường trụ chẳng diệt;
  - b)- Bát Nhã Đức, tức là trí huệ, nghĩa là cái Pháp Tướng chân thật giác ngộ trọn vẹn;
  - c)- Giải Thoát Đức, nghĩa là công đức xa lìa mọi sự trói buộc, rất được tự tại.
- Trong ba đức trên gồm có bát đức Niết Bàn: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh).

Lục Vị (Lục Vị nghĩa sáu mùi vị, gồm có: [1] khổ: đắng, [2] toan: chua, [3] cam: ngọt, [4] tân: cay, [5] hàm: mặn, [6] đạm: lạt.)

mỗi mỗi truyền đến trên mâm cúng Phật, đại chúng lại cao tiếng xưng niệm danh hiệu các đức Phật và các Bồ Tát, mỗi một tiếng Phật đánh một tiếng chuông, pháp sự hoàn mãn, đại chúng lễ bái từ biệt Phật trở về nhà chính.

Đến nơi vấn đề Phật Đản, nên dùng thống nhất nơi thế giới làm nguyên tắc, do vì nơi khi Phật còn tại thế, Á Độ có khoảng mười quốc gia, chỗ sửa chữa năm tháng đều không giống nhau, lịch sử hỗn độn phi thường, như thế kết cuộc ở ngày nào tháng nào, không pháp khảo chứng, vĩ nhiên đã như thế, không luận sửa chữa nhất định ngày nào tháng nào, đều không quan hệ lớn lao.

Mặc dù Phật giáo đồ Nam Bắc Truyền không có truyền thừa thống nhất, nhưng thời gian ngày Phật Đản của Nam Truyền Bắc Truyền khoảng cách khác nhau không xa, Phật Đản của Nam Truyền là ngày 15 tháng 4, Phật Đản của Bắc Truyền là ngày 8 tháng 4, mọi người đều công nhận không xa nhau bảy ngày mà thôi. Tuy nhiên ngày Phật Đản của Nam Bắc Truyền theo trên tập quán không thể thống nhất, chỉ là tín đồ của Tiểu Thừa của Đại Thừa, đôi nơi đây là ngày tháng của một vị thánh nhân vĩ đại ra đời, điều kiện thời hạn định trước, chuẩn bị đến giờ khánh chúc, long trọng cử hành nghi thức tắm Phật, để biểu hiện cảm niệm Phật Đà hoàng thâm bi nguyện tế thế độ nhân.

## 2)- Quan Thế Âm Bồ Tát Thành Đạo.-

Nước ta phụ nữ và nhi đồng đều biết, ngày 19 tháng 6 âm lịch là ngày kỷ niệm thành đạo của Bồ Tát Quán Thế Âm. Kỳ thật, Bồ Tát Quán Thế Âm nơi vô lượng kiếp về trước sớm đã thành Phật, tên của Phật là [Chánh Pháp Minh Như Lai]. Đương thời đức Thích Ca còn tại thế, đệ tử còn tu khổ hạnh. Đến khi đức Thích Ca thị hiện thành Phật, Quán Âm lại là đệ tử Phật Thích Ca, chỗ này gọi là: [Phật xuất thế có ngàn Phật phò trì.] Chư Phật xuất thế, thị hiện thành Phật, giống như trên vũ đài diễn kịch nào là hóa trang thân nam, hóa trang thân nữ, biểu diễn cha hiền, biểu diễn con hiếu, kỳ thật, đều là phương tiện thiện xảo, dẫn đạo chúng sanh đồng lên bỉ ngạn mà thôi.

Do nơi Quán Thế Âm Bồ Tát, bi nguyện hoàng thâm, tế độ những tâm khản thiết, cho nên [Ngàn chỗ khản cầu ngàn chỗ ứng, biển khổ thường tạo thuyền từ tế độ người.] Đối với người chỗ cần đến thân nam hoặc thân nữ để độ, liền hiện thân nam hoặc thân nữ vì chúng nó hoặc các cô mà thuyết pháp, nên dùng thân tướng giả, thân cư sĩ vân vân để độ, cũng hiện thân tướng giả, thân cư sĩ vân vân, vì chúng nó mà thuyết pháp, mục đích chỉ cầu đạt đến để độ tha hoặc các cô. Quán Âm Bồ Tát người đời đa phần đáp thành tượng nữ, có tên gọi là [Tống Tử Quán Âm] (Quán Âm tặng con cho), lại cũng gọi là [Quán Âm Nương Nương] (Hoàng Hậu Quán Âm), mọi người đều nhận cho Quán Âm là một vị Thân Nữ. Kỳ thật, Quán Âm thành Phật đã lâu, chính là do hóa thân mà thị hiện, cũng không giống như tượng ngài Văn Thù cùng Di Lặc là từ cha mẹ mà giáng sanh, đều không phải là nữ thân, mà lại Bồ Tát đã lâu chiếu thấy ngũ uẩn đều không, là không thấy có

tướng nam nữ.

Có như trong 2Kinh Duy Ma2, Xá Lợi Phất hỏi Thiên Nữ rằng: [Nhà người do vì không chuyển thân nữ?] Thiên Nữ đáp: [Tôi từ mười hai năm trở lại, cầu tướng nữ nhân, hoàn toàn không thể được, nên làm sao chuyển? Thí dụ như huyền sư hóa làm huyền nữ, nếu có người hỏi, do vì không chuyển thân nữ, là người vì hỏi không đúng lúc?] Xá Lợi Phất nói: [Không vậy, huyền không định tướng, đương nhiên chuyên làm gì.] Tức thời Thiên Nữ dùng sức thần thông, biến Xá Lợi Phất khiến thành Thiên Nữ, thân Xá Lợi Phất đã bị biến hóa như thế, mà lại hỏi: [Lý do gì không chuyển thân nữ?]. Xá Lợi Phất dùng tướng Thiên Nữ mà đáp: [Tôi nay không biết vì sao chuyển biến thành thân nữ?] Nghĩa đây tức là thuyết minh, kia đây tuy hiện có tướng nam nữ, không nên chấp nói là có nam có nữ, Quán Thế Âm Bồ Tát, tùy nam hiện nam, tùy nữ hiện nữ, lại cũng như thế, không có định tướng.

Cứu cánh Quán Thế Âm là tu phương pháp gì mà được ngộ đạo? Phật Thích Ca chưa từng đề cập đến ngày tháng năm sanh của Bồ Tát, căn cứ nơi Bồ Tát tự mình tường thuật là từ nơi vô lượng kiếp về trước, tại chỗ Phật Quán Thế Âm giáng trần, tu theo tiếng tư duy mà đặng thành đạo. Đầu tiên do cửa lỗ tai hạ thủ khỏi tu, hồi quang phản chiếu, tâm quang tập trung vào trong, có thể xem nghe người cứu cánh là ai? Chỗ nghe đã có động tịnh sanh diệt, tánh nghe tự không có lay động, do đây đủ chứng minh, có lay động tức có sanh diệt, không lay động tức không sanh diệt. Người đời không rõ tánh có thể nghe, vốn không sanh diệt, chỉ biết thịnh trần của chỗ nghe, là có là không, che mất chân tâm, nhận vật cho là mình, vật sanh ngã cũng theo đó mà sanh, vật diệt ngã cũng theo đó mà diệt, cho nên không thể trốn ra khỏi sanh tử luân hồi.

Quán Thế Âm Bồ Tát đều không thấy biết của phàm phu, vì bụi trần phóng nhanh theo động tịnh sanh diệt vân vân, Mà đây chính là tánh nghe nội quán, từ cạn đến sâu, từng bước đạt được vào dòng ra ngoài chỗ quay lưng lại bụi trần, hòa hợp nơi giác ngộ, khiến hai tướng động tịnh bỗng nhiên không sanh, đến đây bụi trần sở nghe dĩ nhiên đã tịch tịnh, căn nguyên năng nghe cũng tùy theo đó tiêu diệt, căn trần đã diệt, năng sở đều tiêu. Do đây gắng công thực hành, đem trí năng giác cùng cảnh sở giác, cả hai đều hoàn toàn không có. Chẳng qua, có lý của năng không cùng sở không, đều thuộc pháp ái, không đặng tự tại, do vì lại đem năng không cùng sở không cũng cần cả hai đều không. Tổng kết, do trên động diệt tịnh sanh, tịnh diệt căn sanh, căn diệt giác sanh, giác diệt không sanh, không diệt diệt sanh, đều có sanh diệt tồn tại, đây thuộc vi tế, cho nên nơi sau cùng đem sanh diệt cũng cần giải trừ, mới có thể đạt đến cứu cánh tịch diệt hiện tiền, đặng đại thọ dụng. Tịch diệt chính là từ vô thị đến nay, vốn tự không sanh, cũng chưa từng diệt. Quán Âm đến đây đích thân thấy bản lai diện mục, đạt đến chân tâm thường trụ.

Cho nên gọi là [Thành Đạo].

Quán Thế Âm sau khi thành đạo, tức là chỗ năng chứng ở trên cùng chư Phật trong mười phương không có hai và không khác nhau, ở dưới cùng bị ngưỡng của tất cả chúng sanh chỗ đạt được đều đồng thể. Chính vì nhân duyên đây, phàm người đời có thân thì bị khổ nạn, ngưỡng cầu thương xót san bằng khổ nạn, Bồ Tát Quán Thế Âm, liền bố thí thần lực vô úy, vì chúng nó san bằng tất cả khổ nạn. Cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm, tại Trung Quốc sự tích Quán Thế Âm thường thị hiện cứu khổ tế độ người đời, từ xưa đến nay, đều thấy các sử ghi lại, hoặc do miệng lưu truyền, khắp nơi đều thể, không sao kể xiết. Mọi người biết đạo đều nghe danh hiệu cao thượng chính là [Nam Mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quảng Đại Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát]. Bồ Tát dĩ nhiên đã có câu đều có ứng nghiệm, không cảm thì không thông, chúng ta tức thời nên thường xưng niệm, lễ bái, cung kính, cúng dường, nhất định gặp trong vô hình được linh cảm đến Bồ Tát bằng cách cảm ứng hiển bày hoặc cảm ứng sâu xa, đều được lợi ích, tùy theo chỗ nguyện mà được thành tựu.

### 3)- Phật Dược Sư Cùng Chúng Sanh.-

Ngày 30 - tháng 9 - âm lịch là ngày lành Thánh Đản của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, mọi người đối với Thánh Đản Phật Thích Ca Mâu Ni và Quán Âm đều nghe tường tận quen tai, nhưng đối với ngày lành Thánh Đản của Phật Dược Sư, tợ hồ so sánh xa lạ. Kỳ thật, nguyện lực từ bi của Phật Dược Sư, đối với chúng ta có ai không được lợi ích lớn, nếu chúng ta mù quáng không biết đến, đâu không là phụ lòng bi nguyện hoằng thâm của Như Lai?

Phật Dược Sư lại gọi là Phật Đại Y Vương, nhân vì Phật có thể trị liệu tất cả thân tâm tật bệnh của tất cả chúng sanh, Phật cũng do đây được danh hiệu này. Chúng ta đã biết đạo, đều biết thế giới ta bà có Phật Thích Ca, thế giới cực lạc phương tây có Phật A Di Đà, mà thế giới tịnh lưu ly phương đông có Phật Dược Sư. Bên trái bên phải của Phật Thích Ca có hai thị giả là Ca Diếp và A Nan; Phật A Di Đà thì có Quán Âm cùng Đại Thế Chí phụ tá; bên trái bên phải của Phật Dược Sư thì có hai Bồ Tát Nhật Quang cùng Nguyệt Quang phụ tá.

Nguồn gốc của đức Phật Dược Sư, chính do Văn Thù Sư Lợi hướng về đức Phật Dược Sư thỉnh hỏi, đức Phật ở dưới gốc cây Dược Âm, vì đại chúng nói ra nhân địa cùng quả chứng của đức Phật Dược Sư, trải qua về sau người bắt đầu kết tập thành một bộ 经 Dược Sư. Nội dung kinh Dược Sư, đại ý là nói, do từ đây hướng về phương đông trải qua mười hằng hà sa số cõi Phật, có thể gọi là Tịnh Lưu Ly, nước này có Phật hiệu là [Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai]. Phật khi đầu

tiên hành đạo Bồ Tát, phát 12 lời đại nguyện lược thuật như dưới đây:

- 1)- Nguyện khi thành Phật, tự độ và độ tha đều hiện đủ 32 tướng cùng 80 vẻ đẹp.
- 2)- Nguyện tự độ và độ tha hiện thân thể như lưu ly, ánh sáng nội ngoại thấu triệt như mặt trời mặt trăng.
- 3)- Nguyện tự mình chỗ có trí huệ đạt được khéo dùng phương tiện xảo giáo hóa chúng sanh, khiến người người thấu hoạch tất cả lương thực tràn đầy nhà kho.
- 4)- Nguyện người tu tà đạo, khiến họ đều quay về chánh đạo, nếu kẻ tu tập tiêu thừa, cũng khiến họ quay về đại thừa.
- 5)- Nguyện người tu phạm hạnh, đều khiến họ không bị phá giới, nếu họ đã bị phạm, được nghe danh tôi, lại được thanh tịnh, không đọa vào ác đạo.
- 6)- Nguyện người đời thân bị xấu xí hoặc các căn không đầy đủ, nghe đến tên tôi các căn đầy đủ trở lại, hình tướng đoan chánh.
- 7)- Nguyện người đời nếu sanh các thứ ác bệnh hoặc bần cùng khổ khổ, tai nghe một lần tên tôi, các bệnh liền đặng tiêu trừ, thân tâm an lạc.
- 8)- Nguyện có người nữ muốn xả bỏ thân nữ, nghe đến tên tôi liền có thể chuyển nữ thành nam, đầy đủ tướng trượng phu.
- 9)- Nguyện chúng sanh muốn lìa khỏi ma chướng, nên tu tập lần lần các hạnh Bồ Tát.
- 10)- Nguyện người nếu gặp nạn tai ương, nghe đến tên tôi liền có thể bị hung ác hóa thành cát tường, gặp tai nạn liền được bình an.
- 11)- Nguyện người nếu bị đói khát bức bách, thân tâm chịu khổ, nghe đến tên tôi liền có thể đạt được lương thực màu nhiệm, lìa khỏi các khổ não.
- 12)- Nguyện người bần cùng không có áo để mặc, lạnh nóng bức não, nghe đến tên tôi, có thể đạt được y phục nhưng gấm ấm đẹp.

Phật Dược Sư tại nhân địa của Ngài đã phát đại nguyện như thế, một ngày được thành Chánh Đẳng Giác, liền tất cả như nguyện, thế giới của ngài không có các khổ và ba đường ác, đại địa toàn là bảy báu tạo thành, người phạm sanh đến nước của ngài, liền có thể thấy Phật nghe pháp, một đời đạt đến thành Phật, trung gian vĩnh viễn không thôi chuyển, cũng như thế giới cực lạc phương tây, công đức trang nghiêm, không có sai khác.

Trong Kinh lại nói, nếu người tự giúp đỡ người khác giết hại, tạo các ác nghiệp, bị đọa vào ba đường ác, chịu đựng các thứ thống khổ. Nhưng nhơn khi còn sanh tiền, từng nghe danh tự Phật Dược Sư, do nơi công đức nghe tên Phật, liền có thể thoát khỏi các khổ, đặng đại giải thoát.

Bi tâm đại nguyện của Phật Dược Sư, nơi nơi vì lợi sanh dựa vào sự mong muốn, đang ở trong định phóng quang nói thần chú. Nếu người lo nghĩ nhiều đau đầu nhức chân đau nhức, thân bệnh tâm bệnh, hoặc bệnh tật nào xấu xí ngu đần cùng mắt mù tai điếc câm ngọng vân vân, nên tắm rửa súc miệng cho sạch, đem đồ ăn hoặc thuốc thang, hoặc nước trong sạch cúng nơi trước Phật Dược Sư, dùng đến tâm chí thành niệm chú Dược Sư 108 biến, hoặc tự ăn lấy hoặc giúp người khác uống, chỗ có bệnh khổ, tất nhiên có thể tiêu trừ. Trì chú Dược Sư cùng niệm danh hiệu Phật Dược Sư, có thể thâm hoạch công đức bất khả tư nghì, nếu có thể mỗi ngày tụng "Kinh Dược Sư" một biến, công đức lại không thể lường được.

Chúng ta đã biết công đức của Phật Dược Sư, tốt nhất là thời gian khánh đản của Phật Dược Sư, lại nên gia công thật hành niệm danh hiệu Phật, hoặc trì chú Dược Sư, hoặc tụng "Kinh Dược Sư", một là phương diện tự mình tiêu tai sống lâu; hai là phương diện cảm tạ Phật Dược Sư, vì chúng ta phát ra 12 thứ hoằng nguyện, chúng ta nên khánh chúc thánh đản Phật Dược Sư, các giới thiện tín ở chùa Trăm Sơn nơi Hương Cảng, thường lễ bái "Dược Sư Bảo Sám" và tụng "Kinh Dược Sư" suốt bảy ngày, dùng công đức này cầu nguyện thế giới hòa bình, nhân dân an cư lạc nghiệp.

#### 4)- Phật A Di Đà Cùng Thế Giới Cực Lạc.-

Có người hỏi: [Người chứng đặng sáu căn thanh tịnh cùng tứ đại đều không, đã không còn hỷ nộ ái ô dục, tại sao lại cầu sanh thế giới tây phương cực lạc?] Phải biết ngã Phật thị hiện dạy bảo, tuy có ngàn sai vạn biệt, không luận niệm Phật, tham thiền, tụng kinh, lễ sám, đều là khác đường mà cùng về một chỗ, chỉ đạt đến quả Phật làm mục đích. Mặc dù người đây theo lý đã chứng đặng lục căn thanh tịnh cùng tứ đại đều không, nhưng cách chỗ Phật vẫn còn có 42 giai đoạn, nhu cầu thời khắc ra sức tự cường không dứt tranh thủ bơi lên.

Có như nhi đồng đi học, đọc sách từ trẻ thơ, nhưng chưa tiến tu đến tiểu học, trung học, đại học, trình độ trước vẫn còn xa, ngày sau mới lớn lên. Kẻ tu đạo cũng vậy, từ có tu niệm cho đến vô niệm, từ vô niệm tu đến không niệm mà niệm, do không niệm mà niệm, tiến lên mà chuyển thành đại dụng phồn thịnh hưng khởi, tiến thêm nữa từ đẳng giác cho đến diệu giác, tiếp theo cho đến cứu cánh quả Phật viên mãn. Kẻ tu đạo thời gian chưa đến cõi Phật cứu cánh viên mãn, liền chuyển



sang cần cầu đến thế giới cực lạc phương tây, chỉ tu trì một pháp xưng danh niệm Phật, niệm mãi đến khi nào thành Phật mới thôi.

Do đây lại biết, tuy đặng sáu căn thanh tịnh cùng tứ đại giai không, nhưng cần xưng niệm A Di Đà Phật, cầu sanh thế giới cực lạc phương tây. Nhân vì cõi kia không có vướng mắc sanh già bệnh chết, thanh sắc tiền tài lợi danh không bị lôi cuốn mê hoặc, các bậc thượng thiện tụ hội một chỗ, tu đạo trợ duyên thù thắng dị thường. Người nếu sanh đến cõi kia, không phải chỉ vĩnh cửu không đọa tam đồ, mà lại một đời có thể đạt đến vị Phật bồ xứ. Nhưng không phải trôi theo làn sóng, tùy ý niệm bao nhiêu tiếng Phật hiệu, kết cuộc không phải lao lực nhưng vẫn thu hoạch. Nhất định phải khó khăn đến mấy cũng không nản chí, miệt mài khổ tu chuyên chở một năm lễ tám, do xưng danh niệm Phật mà được nhất tâm bất loạn, trời đất đều không, đến cảnh giới nhân ngã đều không, mới có thể có chỗ thành tựu.

Nguyên nhân con người đây nhân thiện nghiệp quả đồng nhau, cho nên sanh chung một chỗ, sao có ngăn ngại? Có như nhân loại trong thế gian, người nghèo cùng người nghèo vui mừng được ở chung một chỗ, người giàu cùng người giàu nguyện trụ một nơi, quân tử cùng mưu phước lợi, tiểu nhân đồng lợi làm bạn hữu, mỗi mỗi không lẫn lộn nhau. Người tôi đã dùng xưng niệm công phu, chúng đặng lục căn thanh tịnh cùng tứ đại đều không, đương nhiên người có thể chứng đặng sáu căn thanh tịnh cùng tứ đại đều không, chung ở thế giới tây phương cực lạc, đồng hưởng pháp lạc, lục thông tự tại, diệu dụng vô cùng, đặng đại giải thoát.

Phật nói thế giới có vô lượng vô biên, nhân loại nếu tạo ác nghiệp, tức sanh thế giới khổ não, nếu tạo thiện nghiệp, tức sanh thế giới cực lạc, nếu tạo không phải thiện không phải ác, tức sanh thế giới không khổ không vui, thiện ác đã có ngàn sai vạn biệt, thế giới cũng có vạn sai ngàn biệt, nhân tâm không đồng, giống như mặt người, thế giới không đồng, giống như tâm người. Thế giới tuy có ngàn sai vạn biệt không giống nhau, chung quy không ra ngoài một niệm tâm của tôi, nghĩa là dùng một niệm thiện tức thiên đường, một niệm ác tức địa ngục, một niệm tịnh tức thánh nhân, một niệm nhiễm tức phàm phu. Thế giới cực lạc phương tây, mặc dù cách xa mười vạn ức lộ trình, nếu người có thể dùng công phu xưng niệm, chúng đặng lục căn thanh tịnh cùng tứ đại giai không, chúng ta trong cõi dơ bản năm trước ác thế, ngay lúc đó biến thành cõi an lạc thanh tịnh, cõi kia cõi đây không cách đầu sợi lông, sao phải bỏ gần cầu xa? Cổ Đức nói: [Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật không đi.] Quyết định sanh đây tức là chuyển phàm thành thánh, thật không đi đây tức là lập địa thành Phật, hai ý sanh đi kỳ thật chính là không phân biệt mà phân biệt, phân biệt mà không phân biệt. Do đây có thể thấy, kỳ thật cầu sanh thế giới cực lạc phương tây, cũng là đạt đến cảnh giới lục căn thanh tịnh cùng

tứ đại giai không, người đạt đến lục căn thanh tịnh cùng tứ đại giai không, cũng tự có thể đạt đến cảnh giới màu nhiệm của thế giới cực lạc phương tây. Hiện tại nhân vì chưa có đạt đến quả Phật tuyệt đối viên mãn, cho nên cần xưng niệm Phật A Di Đà nơi thế giới cực lạc phương tây, khiến đoạn trừ nghiệp lực của vô minh phiền não, vào biển tánh của bình đẳng cứu cánh, mới là mục đích sau cùng của kẻ tu đạo.

#### 5)- Nguyên Do Tiết Mục Vu Lan Bồn.-

Ngày 15 tháng 7 âm lịch là ngày Phật hoan hỷ, tục xưng tiết mục Vu Lan Bồn hoặc Vu Lan Thắng Hội. Ở Hương Cảng chín nơi cử hành lễ Vu Lan Thắng Hội, nhất là tập đoàn kiều bào Triều Châu cùng hàng xóm, đều có một lần tổ chức nghi thức trọng thể, tạo đại pháp hội, đốt áo thí thực, cúng dường cô hồn, ảnh hưởng vô cùng, liền khiến một nhóm dân chợ, không ai không cho Vu Lan Bồn là tiết mục của quý. Kỳ thật, đại chúng đối với tiết mục Vu Lan Bồn đích thực chân chánh hợp nghĩa, đã vậy ngày càng chênh mảng. Do nơi không biết nguyên do của nó, tự nhiên khó dùng chiếu soi nguyên ý của nó để thật hành, đại chúng chỉ là căn cứ kiểu tranh vẽ hồ lô, không hỏi xanh vàng đỏ trắng.

Vu Lan Bồn nguyên là tiếng Ấn Độ, dịch thành tiếng Trung Hoa, ý nghĩa là [giải đảo huyền]. Là nói chúng sanh thọ khổ cực trọng, giống như đảo ngược, hiện tại có người thiết lập pháp cứu khổ. Nước tôi cử hành lễ trai đàn Vu Lan Bồn, là mở đầu nơi Lương Vũ Đế Đại Đồng năm thứ tư, sau lần lần thành hành, một mục lưu truyền đến nay.

Cốt truyện tiết mục Vu Lan Bồn, nguyên xuất ra từ tôn giả Đại Mục Kiền Liên của Phật giáo. Mục Liên là một trong mười đại đệ tử lớn của đức Phật Thích Ca, ngài sau khi xuất gia tinh tấn tu đạo, không bao lâu liền chứng quả A La Hán, đạt được sáu pháp thần thông. Chỗ gọi thần thông là:

- 1)- Thần Túc Thông, biến hiện tự tại, qua lại không trở ngại,
- 2)- Thiên Nhãn Thông, thiên đường địa ngục đều thấy không trở ngại,
- 3)- Thiên Nhĩ Thông, xa gần nghe tiếng không trở ngại,
- 4)- Tha Tâm Thông: tâm niệm người khác, tất nhiên biết không trở ngại,
- 5)- Túc Mạng Thông, biết mình và người, tiền thân không trở ngại,
- 6)- Lưu Tận Thông, phiền não lậu tận, sanh tử không trở ngại.

Mục Liên sau khi tự xuất gia, chưa có thể biết vong mẫu sanh nơi xứ nào, nay

đã đặng thần thông, liền dùng thiên nhãn quán trên 28 tầng trời, xem dưới 18 tầng địa ngục, tìm kiếm đến chỗ, kết quả đều không có chỗ nào gặp được, kế tiếp quán trở lại trong đường nga quý, thấy có vô số nga quý hình trạng quái lạ ở trong đó chịu khổ, nơi đây thời gian chỉ một sát na, Mục Liên bỗng nhiên phát hiện vong mẫu cũng ở trong đó, bụng bà như trống lớn, cổ họng nhỏ như lỗ kim, năm này qua năm khác, đói khát liên tiếp thúc ép. Mục Liên thấy mẹ mình tình trạng thâm, vạn phần đau thương. Nơi đó lập tức dùng bình bát đựng đầy cơm, dùng thần túc thông, đến dâng cúng cho mẹ, sau khi mẹ đặng bát cơm, liền dùng tay trái che đậy bát cơm, sợ các quỷ khác giành ăn, tay mặt bóc ăn, do vì có thể quá đói. Không dự tính trước, mẹ ngài nguyên do sanh tiền san tham, liền đọa vào đường quý, tất phải thọ báo, cơm đến bên miệng, bỗng nhiên hóa thành than lửa. Mục Liên tuy thần thông lớn, cũng không thể làm sao, Mục Liên bi thảm khóc than, bàn hoàn hồi lâu, chung cuộc không có phương pháp nào khác, liền chạy về chỗ Phật, đem sự tình đối trước Phật tường trình, thỉnh Phật thiết lập phương tiện, cứu vãng mẹ ngài.

Phật nói, mẹ ông tội căn rất nặng, sanh tiền không tin tam bảo, thường sát hại sanh mạng, không tin nhân quả, rộng tạo các tội, cho nên nay thọ báo, chỉ sức của một nhà ông, làm sao có thể cứu khỏi? Chỉ có một pháp, mượn sức oai thần của chúng tăng trong mười phương, mới có thể khiến bà thoát ly thống khổ. Ý nói Phật đà tuy nhiên pháp lực không thể nghĩ bàn, cũng không thể trực tiếp cứu vãng mẹ ông, nhân vì Phật cũng không thể chuyên được định nghiệp. Tất nhiên phải đợi ngày 15 tháng 7, chúng tăng kết hạ an cư kết thúc, dùng món ăn quý trăm vị, hoặc giường nệm tọa cụ, cúng dường đại đức tăng trong mười phương. Nương nhờ tăng chúng đồng tâm hiệp lực, vì mẫu thân của ông phát nguyện hồi hướng, mới có thể đem mẫu thân của ông từ trong đường nga quý cứu ra khỏi liền được sanh thiên.

Kết hạ an cư là một pháp môn của Phật chế, tăng lữ xuất gia, nơi từ ngày 15 tháng 4 đến ngày 15 tháng 7, kết hạ an cư, không nhất định tùy chỗ thay đổi. Có vị nhập định ở trong núi, hoặc ngồi tĩnh tọa ở dưới gốc cây, có người tự lợi, chúng đặng quả A La Hán; có vị lợi tha, chúng sanh cũng có thể chuyên phàm thành thánh, đến ngày 15 tháng 7 này, đại chúng vân tập một chỗ, cộng đồng thật hành pháp tự tứ. Ở trong ba tháng đây, người nếu có phạm lỗi, theo người đề cử chỗ phạm, đối trước chúng phát lồ sám hối. Ngày đây phạm thánh đồng tụ hội, bậc thánh đã chứng quả thánh, kẻ phạm đã sau khi tự tứ, cũng đặng thanh tịnh, cho nên gọi là [ngày Phật hoan hỷ]. Nhân đây, nếu có người nơi ngày này thiết trai cúng dường tăng, có thể thu hoạch vô lượng công đức thù thắng. Kinh nói: [Nếu có người cúng dường những thứ tự tứ tăng đây, cha mẹ hiện thế lục thân quyến thuộc, đặng ra khỏi khổ ba đường, nên khi giải thoát, y thực tự nhiên. Cha mẹ của họ hiện tại phước lạc trăm năm. Nếu cha mẹ bảy đời của họ, đều có thể sanh thiên, tự tại hóa sanh].

Mục Liên nương nơi Phật đề nghị, xin được thực hiện sở nguyện. Người đời sau có thể nương theo tấm gương đây, cũng chọn nơi đây là ngày trai tăng; có người cho là tăng lữ xuất gia, tha phương cầu thực, đi xa tầm sư hỏi đạo, đây mới là không thuận hiếu đạo. Kỳ thật người đời chỉ chú ý trước mắt, cha mẹ còn tại thế chọn phụng sự cho là hiếu, cha mẹ quá vãng chọn lễ nghi an táng, đúng ra đây chỉ là tiểu hiếu mà thôi. Thật không biết cha mẹ hiện tại và cha mẹ quá khứ, nếu tạo ác nghiệp, tất nhiên bị đọa ác đạo, nên dùng phương pháp gì để cứu cha mẹ ra khỏi khổ nạn? Nếu thật có thể dứt bỏ tình yêu, sớm vào Phật môn, tinh tấn tu đạo, trải qua một ngày ngàn thời, chứng đặng quả thánh, lúc đó không phải chỉ tự mình hoàn toàn giải thoát sanh tử, mà lại còn cha mẹ nhiều đời và trải qua nhiều kiếp oán thân, đều có thể cứu ra khỏi bể khổ được sanh lên cõi trời. Có như cốt truyện Mục Liên cứu mẹ, mới là đạt đến tông chỉ đạo hiếu chân chánh. [Còn sống phụng sự ái kính, đã chết phụng sự bi thương.] đây là tiểu hiếu của thế gian; [ Một đứa con xuất gia, ông bà được lên trời.] đây mới là đại hiếu. Lại nói, chúng sanh sống chết tương tục, đều do tham ái làm căn bản, tham ái không dứt, ái không thể ly khai, thì thế gian, các cha mẹ con cháu nối tiếp nhau không dứt, không có kỳ hạn. Nếu chỉ có phụng sự cúng bái quý thần mà không biết hiếu đạo, thì lại không đủ tư cách nói đến Vu Lan Thắng Hội.

## II.- NÓI KHÁI QUÁT TÁM TÔNG PHẬT GIÁO TRUNG QUỐC.-

### 1.- Duyên Khởi Tám Tông.-

Thời gian Phật Đà còn tại thế thuyết pháp 49 năm, đàm luận kinh pháp hơn 300 hội. Sau khi Phật nhập diệt, do A Nan thuộc lòng nói ra pháp của Phật chỗ thuyết, Ưu Bà Ly thuộc lòng nói ra luật tạng, Phú Lô Na thuộc lòng nói ra luận tạng, Tôn Giả Ca Diếp nhiệm vụ chủ trì sự việc kết tập, gọi đó là Thượng Tọa Bộ. Ngoài đây, đại chúng phạm thánh tụ tập, thực hành riêng cũng thuộc lòng nói ra kinh tạng, luật tạng, luận tạng, tạp tạng, chú tạng, gọi là Đại Chúng Bộ. Thời gian này tuy phân hai bộ Thượng Tọa cùng Đại Chúng, nhưng đối với tông chỉ của Phật, đều thấy không khác, thời gian một trăm năm, các sư truyền thừa, hòa hợp như nước với sữa, thuần là một vị.

Từ Phật Đà diệt độ sau một trăm năm, các sư tranh chấp liên tục xuất hiện, thẳng đến thời gian bốn trăm năm, Đại Chúng Bộ thì phân thành chín phái, còn Thượng Tọa Bộ cũng phân thành 11 bộ phái.

Thời gian sau Thế Tôn diệt độ khoảng 5600 năm, có Mã Minh, Long Thọ, Long Trí, Đề Bà vân vân, các đại sư nói trên liên tục xuất thế, phát dương Đại

Thừa Phật Giáo; ảnh hưởng Tiểu Thừa Phật Giáo lần lần suy vi; Đại Thừa liên hưng thịnh, đến sau Phật nhập diệt 1300 năm, Bà La Môn giáo hưng khởi, lại thêm tín đồ Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ, liên tục xâm nhập Ấn Độ sát hại Phật giáo, hủy diệt Phật giáo, nơi Ấn Độ Phật giáo hoàn toàn tiêu diệt.

Nơi Trung Quốc, thời Minh Đế Đông Hán, Phật giáo đã truyền vào. Từ sáu triều đại đến năm mạt Đường, phiên dịch kinh Phật phân làm ba thời kỳ, thời kỳ đầu do Phạm Tăng dịch, thời kỳ giữa do Trung Hoa và Phạm Tăng phối hợp dịch, thời kỳ cuối do tăng Trung Quốc dịch. Trong ba thời kỳ này tại Trung Quốc Phật giáo Đại Thừa phát triển thành 13 tông phái; Phật giáo Tiểu Thừa có hai tông phái, tức là Câu Xá Tông cùng Thành Thật Tông; tại Trung Quốc Phật giáo Đại Thừa do Hỷ Ái phát dương, cho nên tông phái Tiểu Thừa, lần hồi ảm đạm, lúc đó tông phái Đại Thừa chính là căn bản của Phật giáo Trung Quốc. Về sau nhân Pháp Sư Huyền Trang dịch kinh ảnh hưởng, đến triều đại nhà Đường Phật giáo cộng phân thành tám tông phái lớn.

Đầu tiên Phật giáo Đại Thừa tại Ấn Độ cũng phân làm Không Tông cùng Hữu Tông, về sau Không Tông truyền vào Trung Thổ, do Pháp sư La Thập đời Diêu Tần thành lập Tam Luận Tông. Hỷ Ái đọc Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận có thể học tông này. Có tông truyền vào Trung Thổ, do Pháp Sư Huyền Trang thành lập Pháp Tướng Tông; Hỷ Ái đọc [Kinh Giải Thâm Mật], [Du Già Sư Địa Luận], có thể học tông này. Đời Đông Tấn Đại Sư Huệ Viễn thành lập Tịnh Độ Tông, Hỷ Ái đọc [Kinh A Di Đà], [Kinh Vô Lượng Thọ], có thể học tông này. Đời nhà Lương Đại Sư Đạt Ma thành lập Thiền Tông, Hỷ Ái đọc [Kinh Lăng Già], [Kinh Kim Cang], có thể học tông này. Đời nhà Tùy Đại Sư Trí Giả thành lập Thiên Đài Tông, Hỷ Ái đọc [Kinh Pháp Hoa], [Luận Đại Trí Độ], có thể học tông này. Đời nhà Đường Luật Sư Đạo Tuyên thành lập Luật Tông, Hỷ Ái đọc [Kinh Phạm Võng], [Du Già Bồ Tát Giới], có thể học tông này. Cũng đời nhà Đường Quốc Sư Hiền Thủ thành lập Hoa Nghiêm Tông, Hỷ Ái đọc [Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm], có thể học tông này. Cũng đời Đường Thiệu Vô Quý, Kim Cang Trí, Tam Tạng Bất Không thành lập Mật Tông, Hỷ Ái đọc [Kinh Đại Nhật], [Kinh Kim Cang Đỉnh], có thể học tông này. Riêng có Nhiếp Luận Tông, dung hợp vào Pháp Tướng Tông; Niết Bàn Tông dung hợp vào Thiên Thai Tông; Địa Luận Tông dung hợp vào Hoa Nghiêm Tông. Cho nên Đại Thừa Tông Phái Trung Thổ, chỉ có tám đại tông là Pháp Tướng, Tam Luận, Hoa Nghiêm, Thiên Đài, Luật, Tịnh, Luật, Mật. Chỗ gọi: [Phương tiện có nhiều cửa, chung quy không hai đường.]

Trong tám đại tông phái không giống nhau, có tông phái chú trọng hành trì, có

tông phái chú trọng lý luận, có tông phái nương tự lực, có tông phái nương tha lực. Thiên Tịnh Luật Mật là chú trọng hành trì; Tam Luận, Duy Thức là chú trọng lý luận; Thiên Đài, Hiền Thủ chú trọng cả hành trì và lý luận. Lại nữa, Tịnh Độ, Mật Tông, là nương nhờ tha lực; Tam Luận, Duy Thức, Thiên, Luật, bốn tông này là nương nhờ tự lực; còn Thiên Đài, Hiền Thủ thì nương nhờ hai lực tự và tha.

## 2.- Đại Ý Thiên Đài Tông.

Thiên Thai Tông y cứ nơi núi mà đặt tên, thời nhà Tùy, Đại Sư Trí Giả, cư ngụ tại tỉnh chiết giang núi thiên đài, đề xướng giáo quán thiết lập một tông phái, đời sau gọi là Thiên Đài Tông, cũng gọi là Pháp Hoa Tông, do nơi tông này chọn [Kinh Pháp Hoa] làm tông chỉ.

Cao Tổ Đại Sĩ Long Thọ, sanh nơi Ấn Độ, xưa gọi là Nam Thiên Trúc, là thuộc giòng Bà La Môn, thiên tư thông minh, đến thời 20 tuổi thông đạt thiên văn, địa lý, và các đạo thuật. Đại Sĩ xuất gia, chín tuần liền đọc thông ba tạng, liền đi chu du các nước, chinh phục phá vỡ các đại luận sư nội ngoại đạo, đích thân trước tác rất nhiều sách vở, được xưng là Thiên Bộ Luận Sư.

Nhị Tổ Bắc Tề Thiên Sư Huệ Văn, từng đọc [Đại Trí Độ Luận] văn của [chúng đắc ba trí thật tại trong nhất tâm], lại đọc [Trung Quán Luận], Phẩm Tứ Đế: bài kệ nói rằng, [Nhân duyên chỗ sanh ra pháp, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa trung đạo], bỗng nhiên ngộ nhập diệu lý tức không, tức giả, tức trung đạo, mà lập ra pháp môn Nhất Tâm Tam Quán.

Tam Tổ Hồ Nam, Hoàn Dương Nam Nhạc Đại Sư Huệ Tư, năm 15 tuổi xuất gia thọ giới cụ túc, khi năm 20 tuổi tham bái Thiên sư Huệ Văn, trực tiếp thọ yếu chỉ tâm quán, trải qua 17 ngày, liền động tám súc ( tức động, ngứa, nhẹ, nặng, lạnh, ấm, rít, trơn, vân vân tám thứ cảm súc), lại ngộ Pháp Hoa Tam Muội, sau từ đầu, nghĩa kinh chưa mở, cũng đều thông đạt.

Tổ thứ tư, Đại sư Trí Giả Thiên Đài, chỗ gọi là [Trí Giả], chính Tùy Dương Đế sắc phong. Đại sư lúc 18 tuổi, đến Đại sư Pháp Tự xuất gia, năm 12 tuổi thọ giới cụ túc. Năm 22 tuổi, Đại sư thân cận Đại sư Huệ Tư, Sư Huệ Tư một khi thấy Sư Trí Giả liền nói: [Ngày trước nơi Linh Sơn, đồng nghe Pháp Hoa, tức duyên chỗ tìm lại, ngày nay đến gặp vậy.] Do đây có thể biết, đủ có nguyên nhân phi phạm. Một ngày sư Trí Giả trì tụng [Kinh Pháp Hoa], đến phẩm Dược Vương: [Chư Phật đồng tán dương nói câu , lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, là chân tinh tấn, là tên chân pháp, cúng dường Như Lai.] Bỗng nhiên nhập định, thấy chung quanh Sư Huệ Tư, nơi Linh Sơn nghe pháp, sư Huệ Tư tán trợ trở lại nói: [Không phải ông

không chứng, không phải tôi không ai không biết, chỗ nhập định đây chính là Pháp Hoa Tam Muội Tiên Phương Tiệm vậy, mặc dù sư Trí Giả khiến dùng văn tự, ngàn ngàn vạn chứng, cũng không thể tranh cãi cùng sư Huệ Tư, trong lúc sư Huệ Tư đang thuyết pháp, sau cùng là đệ nhất nghĩa.]

Giáo quán của Tông này, đại ý có năm:

1/- Tam Đế Viên Dung. Tông này quán tất cả pháp, tức không, tức giả, tức trung. Tức trung, là lý chân đế, tất cả pháp đều tiêu tan; tức giả, là lý tục đế, thiết lập tất pháp; tức trung, là trung đế, nói chung tất cả pháp, tất cả pháp vốn không, chúng sanh mê lầm, chấp cho là thật, vọng sanh tri kiến, do đây không quán diệt sạch, để hoàn toàn là lý chân không, cho nên gọi là không đế. Lại do các pháp tuy là không, đều không thể được, do đây giả quán chiếu, thì năng để hoàn toàn là tánh chân thật của các pháp, thứ đến giống như giả, nên gọi là giả đế. Các pháp xưa nay không lìa hai bên, không tức hai bên, do trong đây mà quán, thì các pháp hoàn toàn năng để, không phải chân không phải tục, cũng tức chân tức tục, viên dung vô ngại, không thể nghĩ bàn, nên gọi là trung quán, đây chính là quán thứ ba. Lại nữa, một không tất cả đều không, trong giả đều không, một giả tất cả đều giả, trong không đều giả, một trung tất cả đều trung, không giả đều trung, đây chính là thông tướng tam quán. Lại nữa nơi trong một tâm niệm, ba quá đầy đủ, viên dung lẫn nhau đầy đủ, dung thông không ngăn ngại, đây chính là nhất tâm tam quán.

2/- Trăm Giới Ngàn Như. Tông này quán tất cả pháp, tức không, tức giả, tức trung, không phải chân không phải tục, không phải một không phải khác, đều là thật tướng, hoặc gọi là như, hoặc xưng là như thị, các pháp có mười như thị. Chỗ gọi là: như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác dụng, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mặt cứu cánh vân vân. Chỗ gọi là mười pháp giới: (1) giới địa ngục, (2) giới ngạ quỷ, (3) giới súc sanh, (4) giới tu la, (5) giới nhân sanh, (6) giới thiên đường, (7) giới Thịnh văn, (8) giới Duyên giác, (9) giới Bồ tát, (10) giới Phật đà. Nơi trong mười pháp giới, có 11 giới, trong 11 giới lại có đủ 10 giới, 10 giới đây lẫn nhau đầy đủ thành 100 giới. (chú ý: mười giới lẫn nhau đầy đủ nghĩa là:  $10 \times 10 = 100$ .)

Lại 100 giới đây, trong đó có 11 giới đầy đủ 10 như thị, 100 giới đầy đủ lẫn nhau chính thành 1000 như thị. (chú ý:  $100 \times 100 = 1,000$ )

3/- Một Niệm Ba Ngàn. Nơi trước trong một trăm pháp, đều có đầy đủ 3 thứ thế gian, tức là chúng sanh thế gian, quốc độ thế gian, ngũ âm thế gian. Trong 3 thứ thế gian đây, lại có đầy đủ 1000 như thị, như thị nương nhau, mới thành 3000 thế gian, lại gọi là 3000 các pháp, gọi chung là tất cả pháp. 3000 các pháp đây, đây

đủ một tâm niệm, chính là đầy đủ pháp tánh, thể của nó viên dung màu nhiệm, gọi là lý đầy đủ 3000. Pháp tánh đầy đủ 3000 các pháp, gặp duyên hiện khởi, các tướng giống như, gọi là Sự tạo ra 3000, Sự đầy cùng Lý, viên dung tức tướng, nghĩa là không phải một không phải hai, màu nhiệm không thể nghĩ bàn.

4/- Mười Thừa Quán Pháp. (1) Quán cảnh không nghĩ bàn. Là quán người tôi hiện tiền một tâm niệm, đầy đủ 3000 các pháp. (2) Phát tâm bồ đề chân chánh. Trước khi chưa chứng ngộ, dễ khởi tâm giải đãi, là dùng phát tâm trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. (3) Khéo léo an tâm, khéo léo phương tiện, an trụ nơi trong pháp tánh. (4) Phá tình chấp. Tức nương nơi nhất tâm tam quán, mà phá tam hoặc tình chấp, dung chiếu trung đạo, khiến đạt đến không và giả. (5) Biết đặng mắt. Trước khi chưa ngộ nhập vô sanh, ông phải kiểm thảo đặng mắt. (6) Phân phối thích hợp đạo phẩm. Nơi 37 phẩm trợ đạo, điều đình thích đáng. (7) Đối trị giúp đỡ mở bày. Tu quán không pháp mở bày và phát triển lý viên dung, tất nhiên phải mượn lục độ trợ giúp hành sự. (8) Biết thứ lớp phẩm vị. Như không biết thứ lớp phẩm vị, dễ suy tính chưa chứng đắc lại cho là đã chứng đắc. (9) Năng an nhẫn. Khi chưa vào năm phẩm vị, thuận nghịch cần dung thông kiên nhẫn. (10) Là pháp ái. Như chấp ngôi vị tương trợ thập tính, hoặc được lục căn công dụng lẫn nhau, nếu lỗi ái chấp, liền bị rơi xuống tội đỉnh ái chấp.

5/- Sáu Tức Phật. (1) Lý Tức Phật. Là chỉ cho tất cả chúng sanh, tất nhiên đầy đủ Phật tánh, tánh và tướng thường trụ, một sắc một hương, không phải trung đạo, lý tánh tuy đủ, nhân thiếu giải thích hành trì, nên không pháp để chứng đắc. (2) Danh Tự Tức Phật. Hoặc theo tri thức, hoặc theo quyền kinh, nghe trên chỗ nói, một đạo của sự thật, giải thích thông đạt hoàn toàn, tất cả đều có thể thành Phật. (3) Quán Hành Tức Phật. Không chỉ hiểu biết trên danh tự, lại tiến theo y giáo phụng hành, chỗ thật hành như chỗ nói, chỗ nói như chỗ thật hành. (4) Tương Tự Tức Phật. Đặng ngôi vị sáu căn thanh tịnh, đoạn trừ kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, bao gồm hàng phục hoặc vô minh, con mắt có thể thấy thấu suốt các cảnh 3000 thế giới, tai có thể nghe thấu suốt âm thanh 3000 thế giới, tuy chưa chứng thật, tức tương tự nơi chứng chân thật, đây cũng là ngôi vị thập tính. (5) Phân Chứng Tức Phật. Huệ quán tăng gấp bội, phá một phần vô minh, chứng một phần pháp thân, từ sơ trụ đến đẳng giác, mỗi phần phá 41 bụi vô minh, mỗi phần thấy Phật tánh. (6) Cứu Cánh Tức Phật. Đoạn trừ bậc thứ 42 phát hiện trí giác cứu cánh viên mãn, trí và đoạn hai đức viên mãn, nghĩa là không còn hoặc có thể đoạn, không còn lý có thể chứng, tức ngôi vị diệu giác thuộc quả cuối cùng của viên mãn cứu cánh.

[Tức] là chỉ cho nghĩa không hai, mà ở trên tu chứng có [sáu]. Như chỉ biết [tức] mà không biết [tất], có [sáu tất] (Sáu Tất là sáu hiểu biết tất cả), là thuộc chấp



kiên cố về lý, chúng sanh và Phật nhất như, mê và ngộ không hai, thì dễ sanh tăng thượng mạn. Nếu chỉ biết [sáu] mà không biết tất [tức], thì dễ sanh tự ty mặc cảm, cho nên càng lập sáu tức dùng hiển bày thí chung của phạm thánh, mà đầu tiên và sau cùng của lý thể, đều không hai làm mục đích vậy.

### 3.- Đại Ý Hoa Nghiêm Tông.-

Tông này nương nơi Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm để kiến lập nghĩa lý của tông, nên gọi là Hoa Nghiêm Tông. Đến Đại Sư Hiền Thủ, học thuyết tông này mới hoàn bị, nên cũng gọi Hiền Thủ Tông. Dùng sáng tỏ pháp môn Pháp Giới Tự Tại Vô Ngại, nên cũng gọi là Pháp Giới Tông. Phật thành đạo 37 ngày, vì hai Đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền, nói pháp môn Nhất Thừa Tối Cao Thâm Sân Viên Mãn, Nhị Thừa khả năng kém, không ai có thể lãnh hội để giải thích. Sau Phật diệt độ thời gian năm 5600 năm, có Bồ Tát Long Thọ người nước Nam Thiên Trúc, đến trong Long Cung thấy Kinh Hoa Nghiêm đây có ba bản, hai bản Hoa Nghiêm thượng và trung, không phải sức của phàm phu có thể hành trì, chính truyền tụng xuống bản kinh Hoa Nghiêm 10 vạn kệ tụng, trong đó có 48 phẩm, lưu truyền khắp thế giới.

Trong năm Nghĩa Hi đời Đông Tấn, có Phật Đà Bạt Đà La, bắt đầu dịch Kinh Hoa Nghiêm, thành 60 quyển, 34 phẩm, sung là cựu kinh. Thử đến, khi Đường Võ Hậu, có Thật Xoa Nan Đà, dịch lại kinh này, thành 80 quyển, 42 phẩm, lại xưng là tân kinh. Kế đến trong năm Trinh Nguyên Đường Đức Tông, Tam Tạng Bát Nhã dịch riêng một phẩm Nhập Pháp Giới, thành 40 quyển.

Kinh này từ Phật Đà Bạt Đà La phiên dịch mang đến, kinh sớm được trình bày, nhưng còn chưa thành tông. Thời gian mãi đến đời Trần đời Tùy, Thiên sư Đỗ Thuận ở Chung Nam Sơn, giải thích tổng quát mục đích sâu xa khó hiểu của Hoa Nghiêm, sáng tác thành Pháp Giới Quán một quyển, lại sáng tác Chỉ Quán Ngũ Giáo một quyển, mới xác định được cơ sở của một tông, từ đó Thiên sư Đỗ Thuận trở thành Sơ Tổ của Tông Hoa Nghiêm Đông Thổ. Đỗ Thuận là đệ tử của Pháp sư Trí Nghiễm, Pháp sư Trí Nghiễm truyền thừa giáo nghĩa của Tông Hoa Nghiêm, tinh cần nghiên Giáo Tướng, sáng tác năm quyển Hoa Nghiêm Kinh Lược Sớ, đồng thời sáng tác Thập Huyền Môn, Lục Tướng Chương, Không Mục Chương vân vân, và đem trình bày ý nghĩa của chúng, và ngài cũng là Tổ Thứ Hai. Đến Tổ Thứ Ba là Đại sư Hiền Thủ, ngài sáng tác Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Ký 20 quyển, lại sáng tác Hoa Nghiêm Khoa Giải, Hoa Nghiêm Thập Chung Chỉ Quán vân vân, chú thích chương mục hơn 20 bộ, thành tựu giáo nghĩa của một tông, đệ tử tông môn số vạn người, độ lớn của bốn tông, đến đây hiển bày

mới hoàn bị.

Tông này chọn Nhất Tâm Pháp Giới, Duyên Khởi Vô Tận, làm một học phái Huyền Tông của giáo quán. Chỗ gọi cộng lại bao gồm vạn hữu, tức là nhất tâm, nơi đây qua lại trên nhất tâm pháp giới không ngăn ngại, vô lượng sắc tâm sai biệt bỗng nhiên hiển hiện sáng tỏ, một và nhiều liền nương nhau, lớn và nhỏ dung thông lẫn nhau, lớp lớp vô tận, cũng như lưới châu của Trời Để Thích biến khắp viên mãn, dung thông lẫn nhau, mà không ngăn ngại, đây gọi là pháp giới duyên khởi, cũng gọi là duyên khởi vô tận, tức là pháp giới vạn sự vạn pháp, hữu vi vô vi, sắc và tâm nương nơi chân chánh, quá khứ hiện tại vị lai, lẫn nhau làm năng lực duyên khởi, và chỗ duyên khởi. Do đây một pháp, duyên tất cả pháp, do tất cả pháp, duyên một pháp đây, dựa vào nhau giúp đỡ lẫn nhau, bảo dưỡng lẫn nhau dung hợp lẫn nhau, làm thành Nhất Đại Duyên Khởi.

Cộng lại bao gồm vạn hữu, tức là nhất tâm, tâm dung thông vạn hữu, liền thành 4 thứ pháp giới:

1/- Sự Pháp Giới, tất cả sai biệt, vô lượng sự tướng, đều có chia đều nhau, thí dụ như công cụ từ vàng sanh ra, thành các thứ hình, không hỗn tạp nhau.

2/- Lý Pháp Giới, thể lý bình đẳng, không tăng không giảm, là chỗ nương tựa của sự tướng, gọi là pháp tánh, cũng gọi là chân như, thí dụ như các thứ vàng, tướng của nó tuy khác, thể của chúng nó thì một loại.

3/- Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới, sự do nắm lý mà thành, tức lý là sự; lý do sự mà hiển, tức sự là lý; tức dung thông lẫn nhau, chân như tức vạn pháp, vạn pháp tức chân như, chân như vạn pháp dung thông không ngăn ngại, thí dụ như vàng tức dụng cụ, dụng cụ tức vàng.

4/- Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới, các pháp nhiều như vi trần, bảo dưỡng lẫn nhau vô ngại, bảo dưỡng hình chất ngay lập tức, vào trong hình chất ngay lập tức, trùng trùng vô ngại, một vi trần một mảy lông, đầy đủ tất cả pháp, nêu lên một là thu nhận đầy đủ, đầy đủ tương ứng, thí dụ công cụ đồng nhất, dung thông ngay lập tức, đây chính là giáo nghĩa của Viên Giáo Sở Hiện.

Tông này thuyết minh tướng trạng pháp giới duyên khởi sự sự vô ngại, mà lập giáo nghĩa của sáu tướng viên dung. (1) Một là Tổng Tướng, trong một vi trần, hàm chứa vạn pháp, thí dụ như lầu phòng, dùng cốt sắt nước và bùn tổng hợp xây thành. (2) Hai là Biệt Tướng, tất cả vạn pháp, có sắc và tâm, lý và sự vẫn vốn sai biệt, thí dụ như cốt sắt nước và bùn của lầu phòng đều khác nhau không đồng. (3) Ba là Đồng Tướng, vạn pháp tuy có sai biệt, có thể dung thông liền thành một thể, thí dụ như cốt sắt nước bùn hòa hợp lẫn nhau, xây thành lầu và phòng. (4) Bốn là Dị Tướng, các pháp tuy có thể dung thông liền thành một pháp, nhưng chưa mất

tướng sai biệt của các pháp, thí dụ như cốt sắt, nước bùn, hình tướng, công dụng mỗi mỗi không giống nhau. (5) Năm là Thành Tướng, các pháp sai biệt, do dung thông là nguyên nhân trở thành một thể, thí dụ như cốt sắt, nước, bùn, nội kết với nhau xây thành lầu phòng. (6) Sáu là Hoại Tướng, các pháp sai biệt, mặc dù có thể dung thông liền để thành một thể, bản chất các pháp chưa thường cải biến, thí dụ như lầu phòng tuy là một, nhưng cốt sắt, nước và bùn mỗi mỗi đều trụ nơi pháp của mình. Tất cả các pháp đều đầy đủ sáu tướng, tướng lẫn nhau đều sai biệt, lẫn nhau liền dung thông, sáu tướng đây không ra ngoài hai môn, tổng tướng, đồng tướng, thành tướng, là viên dung môn; biệt tướng, dị tướng, hoại tướng, là hành bố môn (Bố là phơi bày ra); viên dung và hành bố, tức là tướng, vào trong tướng, dung thông không ngăn ngại.

Tông này dùng Pháp Giới Quán làm then chốt cần yếu môn quán của một Tông. Pháp quán này sơ lược có ba lớp: (1) Một là Chân Không Tuyệt Tướng Quán, quán bản tánh của các pháp tức là không, không đây không phải đoạn diệt, cũng không phải không của lìa khỏi sắc, tức có không cụ thể, không của cái không đây tức là không có tướng, nên gọi là chân không, nương nơi lý pháp giới mà thành lập pháp quán này. (2) Hai là lý sự vô ngại quán, trước chỉ quán chân không, đây thì quán sự tướng của các pháp, cùng lý chân như dung thông nhau rõ ràng, viên dung vô ngại, nên gọi là lý sự vô ngại quán, mà thành lập pháp quán này. (3) Ba là châu biến hàm dung quán, do quán thứ hai biết được lý sự tức dung thông, lại quán mỗi một pháp tràn đồng đủ thể tánh chân như, vừa tiếp nhận nhau, vừa dung thông nhau, một và nhiều không ngăn ngại nhau, lớn và nhỏ tức như nhau, trùng trùng không dứt, dung thông tự tại, lý hàm chứa vạn đức, như hư không kia, hàm chứa viên dung biến khắp, nên gọi là châu biến hàm dung quán, nương sự sự vô ngại pháp giới mà thành lập pháp quán này.

#### 4/- Đại Ý Thiền Tông.-

Tương truyền tông này là sau khi Phật Thích Ca thành đạo, thời gian 49 năm, nơi trên hội Niết Bàn, Phật liền cầm cành hoa thị chúng, đại chúng đều im lặng, chỉ có Đại Ca Diếp mở nét mặt mỉm cười. Phật liền tán thán Đại Ca Diếp nói: [ Tôi có chánh pháp nhãn tạng, niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, nay phó chúc cho ông, ông khéo hộ trì.] Từ đây về sau, trải qua các triều đại, dùng tâm truyền tâm, khai thị ngộ nhập, tri kiến của Phật, không lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo lý. Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Tuy nói không lập văn tự, mà nơi văn tự Bát Nhã, cũng là chỗ không dùng, như tâm ấn Đạt Ma, trao pháp có 2 Kinh Lăng Nghiêm 2 bốn quyển, còn Hoàng Nhãn thì đều hoàng truyền các như kinh Kim Cang, Duy Ma, Viên Giác vân vân. Nhưng đặc trọng tâm nơi tông thông, mà không ở nơi thuyết thông, chú trọng nơi chúng đạo, mà không ở nơi

giáo đạo.

Tông này chỉ truyền pháp môn tâm ấn, từ Ma Ha Ca Diếp, truyền đến Tôn Giả A Nan, kéo dài truyền đến Đại Sư Đạt Ma, là Tổ thứ đời 28 nơi Ấn Độ. Đại Sư Bồ Đề Đạt Ma, sang đến đời nhà Lương ở Trung Thổ phổ phong là bảy năm, Đại Sư đến phía đông truyền pháp, là Sơ Tổ của Thiên Tông Trung Thổ. Lương Võ Đế nghe sư đến, nghinh đón đến Kim Lăng, hỏi vấn đề đạo, nhận thấy cơ duyên không thích hợp, sư liền từ độ giang đến lạc dương, chỉ ở Tung Sơn Thiêu Lâm Tự, xây mật vào vách tường chín năm, sau truyền tâm pháp cho Huệ Khả là Tổ thứ hai. Huệ Khả truyền tâm pháp cho Tăng Xán là Tổ thứ ba. Tăng Xán truyền pháp cho Đạo Tín là Tổ thứ tư. Đạo Tín truyền tâm pháp cho Hoàng Nhãn là Tổ thứ năm. Hoàng Nhãn truyền tâm pháp cho Huệ Năng là Tổ thứ sáu. Đại sư Huệ Năng truyền thừa y bát, du hành hóa đạo nơi phương nam, người đời gọi là Nam Thiên Tông. Đại sư Thần Tú cũng được truyền thừa giáo pháp nơi Tổ thứ năm, đi giáo hóa nơi phương bắc, người đời gọi là Bắc Thiên Tông. Nam Thiên Tông chủ trương đốn ngộ, Bắc Thiên Tông chủ trương tiệm tu, cho nên mới có danh xưng là Nam Đốn Bắc Tiệm.

Môn hạ của Đại sư Lục Tổ, kẻ đắc pháp gồm có 43 người, vì thế năm Tô thì truyền y bát, và sau đó, đối với Huệ Năng ngài nói: [Y bát là tranh chấp, ta ngưng lại chớ truyền, nếu truyền y bát đây, mạng ta như treo tơ tằm.] Sau đó, Tổ Huệ Năng thứ sáu chỉ truyền pháp mà không truyền y bát. Nơi trong các Tổ, tiếp hóa học nhân, đều có Gia Phong độc lập riêng biệt, nhân đây chính có năm nhà Thiên Phong:

1/- Thiên Phong Lâm Tế, điểm cốt yếu hàng đầu của Thiên Phong này to lớn và vững mạnh, như sét đánh gió to; phàm tăng có hỏi, liền đánh đòn cảnh cáo, hoặc bắt giữ vững chắc, làm cho mở ra vân vân.

2/- Thiên Phong Tào Động, phái này tiếp nhận hóa độ học nhân, bí ẩn kín đáo thuận lợi vững vàng liên tục, ân cần khẩn thiết không mệt mỏi, khiến đạo quân thần hòa hợp, nghiêng về chân chánh, trợ giúp lẫn nhau.

3/- Thiên Phong Quy Ngưỡng, trợ giúp thầy xướng họa, sự lý đều thật hành, cha con một nhà, thể dụng song ảnh.

4/- Thiên Phong Vân Môn, cô đơn nguy hiểm tột đỉnh, gợn gàng minh bạch vui thích, không dùng nhiều ngôn ngữ, nửa lời hai câu, chứa chỉ thú vô hạn, rộng lớn vô tận.

5/- Thiên Phong Pháp Nhãn, chỗ đơn giản mà rõ ràng tựa hồ như cửa mây, chỗ bí ẩn kín đáo như Tào Động, ngôn ngữ tựa hồ bình thường, mà mỗi câu tựa chứa đựng điểm then chốt sắc bén.

Thiền Tông đây không nương tựa các thứ phương pháp như niệm Phật, xem kinh, tu sám, lễ bái, trì chú, đốt hương vân vân, chỉ dùng hồi quang phản chiếu, đơn đao vào thẳng, tham cứu thoại đầu, thoại đầu tuy có nhiều thứ không giống nhau, đều dùng nhất tắc không ý vị lời nói, khiến người không dùng tư tưởng của ý thức, tĩnh lặng tham cứu một thứ khác lạ, hoặc tham cứu niệm Phật là ai? Kẻ kéo dài tử thi là ai? Sanh từ đâu đến, chết đi về đâu? Khi chết đi thiêu lại còn có [ngã] không? Trước khi cha mẹ chưa sanh bộ mặt nguyên là ai? Vạn pháp quy nhất, nhất quy chỗ nào? Bất tư nghi thiện, bất tư nghi ác cái nào là ngã? Hoàng Đệ Thuận Trị nhà Thanh nói: [ Chưa từng sanh ta ai là ngã, khi sanh ta ngã là ai, lớn lên thành người mới là ngã, hợp nhãn lò mờ không rõ là ai? Thâm nhập nghi tình, đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, không nghi không ngộ. Như nhà chỉ ở một người, mỗi ngày ra ngoài bán rau, khi trở về nghe trong nhà có người nói chuyện, tất nhiên họ tìm chỗ ở mình, lâu ngày không được gặp, một khi tham cứu phá rách, xem thấy vạn hữu đều không, hợp lại lý không đây, hiểu sâu mà nói, hoàn toàn không đạt được. Ngày trước Thiền sư Khô Một, ban đêm ngồi thấy vị tăng cầm đèn bỗng nhiên khai ngộ, nói bài kệ rằng: [Cầm đèn lên lại là hỏa, trái kiếp vô minh chiếu phá, về trai đường thấy thánh tăng, cơ hồ đang đối diện lỗi lầm.] Sau khi ngộ lại biết: [Đêm đêm ôm mắt Phật, mỗi buổi lại cùng thức dậy, đứng ngồi xiềng xích theo nhau, nói năng im lặng chỉ ở chung.] Mười phương hư không, ở trong tâm ta, tựa như đám mây, điểm nhỏ ở trong bầu trời xanh, chiếu phá các pháp tướng ngũ uẩn, hư không phá tan thành đại địa hòa bình.

Ngộ thì có đốn ngộ và tiệm ngộ, có chỗ gọi là lý tức đốn ngộ, nương nơi ngộ hợp lại tiêu diệt chung, sự vật không phải trừ lập tức, nhân vì phải dứt theo thứ lớp, ngộ có phân làm ba loại: (1) Một là trước ngộ sau tu, tức là người phổ thông, đều phải sau khi ngộ liền khởi tâm tu hành, trì giới và nghiên cứu giáo lý, tức gọi là đốn ngộ tiệm tu. (2) Hai là trước tu sau ngộ, đây là thuận theo căn trí thấp kém, khiến họ trước trì giới tu định, trải qua năm tháng tích lũy nội kết, cũng có phần khai ngộ, nhưng không phải tông chỉ đây là của bản ý. (3) Ngộ tu đồng thời, đây là do căn đã có từ xưa nay mới thành thực, chỉ đợi đây phát sanh mới chứng quả, khi chưa ngộ, bị nghiệp hiện tại ngăn che, nên chưa có thể hiển lộ, và một khi xúc cảm liền ngộ, tức tất cả đầy đủ như Lục Tổ vân vân. Thứ người đây nhất định phải lợi căn thượng trí; còn thiền đời sau tất nhiên phải là hậu đốn ngộ, nhờ tiệm tu làm nguyên tắc. Lại nữa nhân ngộ mà tu, gọi là giải ngộ, nhân tu mà ngộ, gọi là chứng ngộ.

Tông này khai ngộ phân làm ba đoạn:

(1) Thứ nhất là Bản Tham, lại gọi là Sơ Quan, do tham cứu thoại đầu, dẫn xuất huệ vô lậu, do huệ vô lậu, sáng tỏ bản tâm của mình, thấy bản tánh của mình, gọi là sơ quan.

(2) Thứ hai là Trùng Quan, đã thấy tánh liền dùng huệ vô lậu, đối trị phiền não. Đến khi ẩn nắp xóa đi phiền não bên trong nội tâm, để phát khởi hiện hành, mới gọi là Trùng Quan.

(3) Thứ ba là Mạt Hậu Quan, dùng ẩn nắp xóa đi phiền não ở trên, còn dựa vào công dụng đối trị, nhằm để diệt tận phiền não cho được thanh tịnh, mặc cho khi vận chuyên vô công dụng, mới thấu triệt Mạt Hậu Nhất Quan. Chỗ gọi: [Đoạn trừ đạo ngôn ngữ, tâm đi đến chỗ diệt tận, ngay lập tức vượt qua Phật địa, tức Phật tức tâm, tức tâm tức Phật.]

Lại có 9 thứ đại thiên: (1) Tự Tánh Thiên, không hướng ngoại để cầu, quán thật tướng các pháp. (2) Nhất Thiết Thiên, tất cả công đức của tự hành trì và hóa độ chúng sanh. (3) Nan Thiên, vì thiên đây thâm diệu khó tu. (4) Nhất Thiết Môn Thiên, tất cả thiên định đều do đây xuất hiện. (5) Thiên Nhân Thiên, chỗ cộng tu của chúng sanh đại thiện căn. (6) Nhất Thiết Hành Thiên, Đại Thừa hành pháp đều hàm nhiếp. (7) Trừ Não Thiên, công năng trừ diệt khổ não của chúng sanh. (8) Thủ Thế Tha Thế Lạc Thiên, công năng khiến chúng sanh tất đắc an lạc cả hai đời (hiện tại và vị lai). (9) Thanh Tịnh Thiên, hoặc và nghiệp đoạn trừ dứt hẳn, đắc tịnh báo đại bồ đề.

#### 5/- Đại Ý Tịnh Độ Tông.-

Tông này chọn tín nguyện và hạnh ba thứ tư lương, cầu sanh thế giới cực lạc của Phật A Di Đà làm tông chỉ, nên xưng là Tịnh Độ Tông. Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật, nói Kinh Vô Lượng Thọ. Tại Vương Xá Thành, nói Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Phật tại trong núi Kỳ Xà Quật nói Kinh Vô Lượng Thọ. Tại thành Vương Xá, Phật nói Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Tại Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, Phật thuyết Kinh A Di Đà. Bồ Tát Thế Thân tạo Vãng Sanh Luận. Tông này chỗ nương tựa tạo ra ba kinh một luận. (1) Kinh Vô Lượng Thọ thuyết minh Phật A Di Đà, nhân vị hạnh nguyện và công đức quả thượng. (2) Kinh Quán Vô Lượng Thọ thuyết minh hạnh nghiệp của vãng sanh tịnh độ. (3) Kinh A Di Đà, chỉ bày trang nghiêm của cõi tịnh độ cùng lợi ích của chấp trì danh hiệu và chư Phật hộ niệm. Vãng Sanh Luận, thấu tiếp tổng hợp ba bộ kinh trên, chứng minh nghĩa vãng sanh tịnh độ. Lại nữa, Kinh Lăng Nghiêm, ở chương [Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông]: thuyết minh [Nếu tâm chúng sanh, nhớ Phật niệm

Phật, hiện tiền hoặc kiếp sau, nhất định thấy Phật, đến Phật không xa, không nhờ phương tiện, tự đạt được tâm khai.] Lại có [Kinh Hoa Nghiêm], Bồ Tát Phổ Hiền dùng mười Đại Nguyện Vương, khuyến tấn Thiện Tài, và các Đại Bồ Tát trong Hoa Nghiêm Hải Hội, 41 vị Đại Sĩ Pháp Thân, đồng hướng về Thế Giới Vãng Sanh Cực Lạc Phương Tây, dùng thời gian Phật Quả viên mãn. Nhân đem [Chương Niệm Phật Viên Thông] và [phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện] gia nhập trong ba kinh, trong đó có năm kinh một luận. Sau khi Phật diệt độ, Bồ Tát Mã Minh nơi trong [Khởi Tín Luận] Đại Lục đề xướng Pháp Môn Tịnh Độ, Bồ Tát Long Thọ trước tác [Thập Nhị Lẽ], [Dịch Hạnh Phẩm] vân vân; Bồ Tát Thế Thân sáng tác [Tịnh Độ Vãng Sanh Luận], vân vân. Ngoài đây còn có [Lược Luận An Lạc Tịnh Độ Nghĩa], lược thích [Kinh Vô Lượng Thọ], [Vãng Sanh Luận Chú] của Đàm Loan; [An Lạc tập] của Đạo Xước, [Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ] của Thiện Đạo; [Tịnh Độ Thập Yếu] vân vân của Đại Sư Trí Hút. Những bài sơ trước thuật của lịch đại tổ sư trước tác không dưới hơn số ngàn quyển. Đại Sư Huệ Viễn đời Đông Tấn nơi Lu Sơn Đông Lâm Tự, cùng các đại đức và cư sĩ 123 người, chung nhau kết hợp thành Hội Liên Trì, chuyên niệm Phật sáu thời, cho nên Đại Sư Huệ Viễn trở thành Sơ Tổ của tông này.

Duyên khởi của pháp môn Tịnh Độ, căn cứ nơi [Kinh Vô Lượng Thọ] nói rằng, quá khứ lâu xa không thể nghĩ bàn, vô lượng số kiếp, có Phật xuất thế, gọi là Thế Tự Tại Vương Như Lai. Thời đó có Quốc Vương gọi là Nhiêu Vương, nghe Phật thuyết Pháp, tâm hoài niệm vui thích, tìm đến phát đạo tâm vô thượng, bỏ nước bỏ ngôi vua, đi làm tỳ kheo, hiệu là Pháp Tạng. Đến chỗ Thế Tự Tại Vương Như Lai, thỉnh vấn hạnh nguyện của các Phật Tịnh Độ. Thế Tự Tại Vương Như Lai, liền vì ông rộng nói 211 ức cõi Phật, thiện ác của nhân thiên, quốc độ to lớn tốt đẹp, thích ứng tâm nguyện của Pháp Tạng, tất cả đều hiện lên cùng thấy. Tỳ Kheo Pháp Tạng, liền nơi trước Phật suy nghĩ ghi nhớ tu tập chứng đắc Phật quốc trang nghiêm, đã thâm nhiếp tiếp nhận, liền phát 48 lời đại nguyện. Tỳ Kheo Pháp Tạng thành Phật cho đến nay đã mười kiếp, hiện tại ở Tây Phương, đi đến đây trải qua mười vạn ức cõi Phật, thế giới cõi Phật đó, gọi là An Lạc, Phật hiệu là A Di Đà, nhờ nơi hào quang vô lượng của Phật đây được thọ mạng vô lượng, nên gọi là A Di Đà Phật, là Vô Lượng Quang Phật, hoặc Vô Lượng Thọ Phật.

Cần yếu muốn sanh Tây Phương, phải phát ba tâm: (1) Một là tâm chí thành, nghiệp thân miệng ý, chỗ tu hành cho giải thoát, tất nhiên phải trong ngoài tương ưng, chân thật vì cầu sanh tịnh độ, bên trong không đặng nghe danh lợi sanh tâm ham thích nuôi dưỡng, bên ngoài hiện tướng tinh tấn hiền lành. (2) Hai là thâm tâm, quyết định thâm tín A Di Đà Phật, thành tựu 48 lời nguyện, chuyên niệm danh hiệu Phật kia, quyết định được vãng sanh Thế Giới Cực Lạc. (3) Ba là Tâm phát nguyện hồi hướng, nay chỗ làm sanh tất cả thiện căn, thấy đều hồi hướng, nguyện

sanh quốc độ kia.

Vãng sanh thế giới Cực Lạc, căn cứ nơi chỗ [Vãng Sanh Luận], thuyết minh có năm thứ pháp môn niệm Phật: (1) Một là Lễ Bái Môn. Lễ tức là chuyên lạy Phật kia, lạy mãi cho đến khi nào chết, không lễ những chỗ tạp nhạp. Thân nghiệp chuyên chú đến nhất tâm, cung kính hiệp chưởng, hương hoa cúng dường, lễ bái Phật A Di Đà. (2) Tán Tán Môn. Khẩu nghiệp chấp trì danh hiệu, cộng thêm tán thán thân tướng quang minh và quốc độ trang nghiêm của Phật kia. (3) Tác Nguyện Môn. Dùng thanh tịnh ý nghiệp, ý niệm quốc độ Phật kia, nương nơi trang nghiêm chân chánh, và tất cả thân tướng quang minh của thánh chúng. (4) Quán Sát Môn. Quán sát quốc độ công đức trang nghiêm của Phật kia, công đức trang nghiêm của Phật A Di Đà và các Bồ Tát. (5) Hồi Hướng Môn. Tâm thường phát nguyện, dùng công đức của mình bố thí lợi ích cho tất cả chúng sanh trong pháp giới, đồng sanh về nước Cực Lạc, chứng ngôi vị bất thối, trở lại Ta Bà hóa độ các hữu tình.

Phương pháp niệm Phật có bốn thứ: (1) Một là Thật Tướng Niệm Phật, ngộ biết tâm bên trong không năng niệm, Phật ngoài không chỗ niệm, Phật tức là tâm, tâm tức là Phật, thông đạt do nơi tham thiền, đây là niệm Pháp Thân Phật. (2) Hai là Quán Tướng Niệm Phật. Như quán tướng mặt trời, quán tướng mặt trăng, quán tướng địa cầu, quán bảo thọ vân vân, mười sáu quán môn. (3) Ba là Quán Tượng Niệm Phật. Quán từ ao báu xuất hiện liên hoa, Phật A Di Đà buông tay xuống tiếp dẫn, bên tả là Bồ Tát Quán Thế Âm, trên đỉnh đầu có Phật; bên hữu là Bồ Tát Đại Thế Chí, trên đỉnh đầu có tịnh bình. (4) Bốn là Trì Danh Niệm Phật. Nhất tâm chuyên trì danh hiệu, trong 48 lời nguyện, nguyện thứ 18 nói: [Nói rằng tôi khi được thành Phật, chúng sanh trong mười phương, chí tâm tin vui, muốn sanh nước tôi, cho đến mười niệm, nếu không được sanh, thề không chánh giác.] Do đây có thể biết, được sanh cùng không, hoàn toàn bằng tín nguyện, phẩm vị cao thấp, hoàn toàn nhờ trì danh hiệu Phật, cho đến mười tiếng một trăm tiếng, đều được vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Câu sanh thế giới cực lạc, có chánh và tạp ba hạnh trợ giúp, chuyên căn cứ nơi chỗ tu hành của [Tịnh Độ Kinh] gọi là Chánh Hạnh; ngoài ra tất cả vạn hạnh điều thiện, đều gọi là Tạp Hạnh. Trong Đại Kinh Tam Bối nói, một hướng về chuyên niệm [Vô Lượng Thọ Kinh] để niệm Phật, gọi là Chánh Hạnh, ngoài ra phát tâm xuất gia, tạo tượng xây tháp vân vân các điều thiện, cũng điều là Tạp Hạnh. Nay phân Chánh Hạnh làm năm, Tạp Hạnh cũng làm năm. (1) Một là Chuyên Tâm Niệm Ý, đọc tụng [Quán Kinh], [A Di Đà Kinh], [Vô Lượng Thọ Kinh], gọi là Chánh Hạnh. Ngoài ra đọc tụng [Bát Nhã], [Hoa Nghiêm], [Pháp Hoa] [Niết



Bàn các kinh, gọi là Tap Hạnh. (2) Hai là chuyên chú tư tưởng, quán sát những điều nhớ nghĩ Tịnh Độ Cực Lạc Y Báo và Chánh Báo, công đức trang nghiêm, gọi là Chánh Hạnh. Ngoài ra nếu quán sát tịnh độ trong mười phương, hoặc quán sát chân như pháp tánh vân vân, gọi là Tap Hạnh. (3) Ba là nhất tâm chuyên lễ Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật, gọi là Chánh Hạnh. Lễ bái các Phật Bồ Tát khác, hoặc các thiên thần quỷ vật vân vân, gọi là Tap Hạnh. (4) Bốn là nhất tâm chuyên xưng danh hiệu A Di Đà Phật, gọi là Chánh Hạnh. Nếu xưng niệm các Phật và Bồ Tát khác, gọi là Tap Hạnh. (5) Năm là nhất tâm tán thán cúng dường A Di Đà Phật, gọi là Chánh Hạnh. Nếu tán thán các đức Phật và Bồ Tát khác, gọi là Tap Hạnh. Trong đây thứ 4 gọi là Chánh Hạnh, là chánh nghiệp của thuận theo bốn nguyện, ngoài bốn thứ Chánh Hạnh là trợ nghiệp. Như "Tứ Thiếp Sớ" nói, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Di Đà, đi đứng ngồi nằm, không hỏi thời tiết, niệm niệm không nghỉ, gọi là nghiệp của Chánh Định. Nếu nương tựa nơi lễ tụng vân vân, gọi là Trợ Nghiệp. Nên xả tạp hạnh, quay về chánh hạnh, nơi trong chánh hạnh, liền tu trợ nghiệp, chuyên tu chánh nghiệp, liền xưng danh hiệu Phật, mong được vãng sanh, tức là pháp môn niệm Phật vãng sanh vậy.

#### 6/- Đại Ý Tam Luận Tông.

Tông này y cứ nơi Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận mà lập tông, giáo nghĩa của nó đại bộ phận y cứ nơi "Kinh Bát Nhã", nên cũng gọi là Bát Nhã Tông, lại nữa chỗ hiển bày cứu cánh nghĩa không, nên cũng gọi là Đại Thừa Không Tông. Sau Phật nhập diệt độ khoảng sáu bảy trăm năm, Bồ Tát Long Thọ y cứ nơi Ma Ha Bát Nhã thiết lập luận cứ, hiển bày Trung Đạo của tất cả không chỗ chứng đắc, tạo thành Trung Luận. Nơi trong luận này, tuyển chọn tinh tế mầu nhiệm của nó, lược thành 12 Quán Môn, mở bày Bát Nhã Chánh Quán, tạo thành 12 môn luận. Đề tử của Long Thọ là Luận Sư Đề Bà lại diễn giải một trăm bài kệ trong đó có 20 phẩm, mục đích chánh là đả phá ngoại đạo, bao gồm phá chấp trong đạo, tạo thành Bách Luận.

Nơi Đông Tấn Diêu Tàn Hoảng Thủy năm thứ ba, Pháp sư Tam Tạng Cru Ma La Thập đến Trường An Trung Quốc, tận lực dịch Tam Luận, đây là Tổ đầu tiên của Tam Luận. Đề tử của La Thập gồm ba ngàn người, trong đó có đề tử đáng kể trên hết là mười người, được hiệu là Thập Môn Thập Triết. Trải qua năm đời truyền thừa, đến Đại sư Tùy Gia Tường, mới đem Tam Luận phát dương quang đại, cùng đồng thời với ông có Đại sư Minh Thắng nơi Bắc Địa hoằng truyền Tứ Luận. Ngoại trừ Tam Luận, thêm riêng "Đại Trí Độ Luận".

Trung Luận, là đả phá tất cả hư vọng biên kiến tà kiến, mà hiển bày thật tướng trung đạo. Kỳ thật, thật tướng trung đạo, không phải trong không phải không trong, không có tên pháp tướng, vì chúng sanh cưỡng lại nói tên tướng, muốn khiến nhân

đây mà ngộ vô danh, cho nên nói trung để hiển bày không trung. Trung Luận, cũng gọi là Trung Quán Luận, Trung gọi là đạo của mười phương ba đời các đức Phật Bồ Tát chỗ hành trì, cho nên trước hiểu rõ trung, sau đó mới nói trung đạo, nhằm phát sanh chánh quán của các đức Phật các Bồ Tát, nên cũng gọi là Trung Quán Luận.

Tông này dùng không không chỗ đắc làm giáo nghĩa, dùng hữu sở đắc làm vọng kiến. Trung Luận chính là đả phá Tiểu Thừa, bên phá ngoại đạo, để hiển bày nghĩa không của Đại Thừa. Bách Luận chính là đả phá ngoại đạo, bên đả phá tất cả, để hiển bày nghĩa không của Đại Thừa. Thập Nhị Môn Luận, là bao gồm đả phá Tiểu Thừa và ngoại đạo, để hiển bày nghĩa không sâu xa của Đại Thừa. [Tam Luận Huyền Nghĩa] nói: [Luận tuy có ba, nghĩa chỉ có hai biện pháp: một là phá tà, hai là hiển chánh.] Có thể thấy tông này, chỉ ở hai môn phá tà hiển chánh.

Phá tà nói lược có bốn: (1) Phá chấp của ngoại đạo cho là có thật ngã. (2) Phá chấp cho ngã là không, mà pháp là có của Tì Đàm Tông chủ trương. (3) Phá chấp không kiến cho là chánh lý của Thành Thật Tông. (4) Đả phá Đại Thừa ngã vào nơi thấy có chỗ chứng đắc. Như là không luận trong đạo, ngoài đạo, đại thừa, tiểu thừa, đều cho có chỗ chứng đắc, nói chung đều phá bỏ. Nói hiển chánh là, tất cả đều đả phá, không có chỗ chứng đắc, chỗ chứng đắc đã không, đạo ngôn ngữ cũng đều chấm dứt, chỗ hành động của tâm cũng đều chấm dứt, ngoài phá tà, đều không hiển chánh, chỗ phá tà, tức là hiển chánh.

Các Tông Đại Thừa và Tiểu Thừa phân nhiều thuyết minh Nhị Đế. [Trung Luận] nói rằng: [Các đức Phật thường nương nơi Nhị Đế, vì chúng sanh mà thuyết pháp.] ②Đại Phẩm Bát Nhã Kinh② nói: [Bồ Tát trụ trong Nhị Đế, vì chúng sanh mà thuyết pháp.] Cho nên các kinh đều nói, Phật tùy thuận chúng sanh nên nói nơi Nhị Đế, tùy Phạm phu nói có Tục Đế, tùy Thánh chúng nói có Chân Đế. ②Trung Luận Sớ② nói, có bốn lớp Nhị Đế. (1) Đầu tiên dùng Hữu làm Tục Đế, dùng Không làm Chân Đế, đây là làm một lớp Nhị Đế. (2) Kế đến dùng Hữu và Không làm Tục Đế, dùng không phải Hữu và không phải Không làm Chân Đế, đây là hai Lớp hai Đế. (3) Ba dùng hai Lớp trước hai Đế sau làm Tục Đế, dùng không phải hai không phải không hai làm Chân Đế, đây là ba Lớp hai Đế. (4) Dùng ba Lớp trước làm Tục Đế, dứt nói năng tuyệt suy nghĩ làm Chân Đế, đây là bốn Lớp hai Đế.

Tông này, thành lập có Trung Đạo Bát Bất. Nhị Đế thâm nhiếp chung tất cả Phật pháp, nhưng Nhị Đế do Bát Bất làm chánh, không ngộ Bát Bất, tức là không biết Nhị Đế. Nên [Trung Luận] quyền đầu lại nói: [Không sanh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn, không một cũng không khác, không đến cũng không đi]. Sanh nếu có thật thì không nên dựa vào nhân duyên. Trước đã không

sanh, sao lại có bị diệt, cho nên nói không sanh cũng không diệt. Đã dựa vào nhân duyên, cho nên không thường, đã không phải trước có, sao lại có bị đoạn, cho nên nói không thường cũng không đoạn. Một thân có tướng sai khác nên không đồng nhất, tuy có tướng sai khác, thân người chỉ có một thứ, nên nói không khác. Khi pháp không đến do đó không đến, động tác không đi do đó không đi, cho nên nói không đến cũng không đi.

Tông này, thành lập có bốn thứ Trung Đạo. Dùng Nhị Đế Bát Bất trên, là hiển bày Thật Tướng Trung Đạo. Từ phẩm nhân duyên, tìm cầu các pháp, có cũng không, không cũng không, có và không cũng không, không phải có và không phải không cũng không, đây gọi là thật tướng của các pháp.

Bốn thứ Trung Đạo: (1) Một là đối với Thiên Trung (Trong một bên), chỉ là đối trị học nhân của đại học và tiểu học, có bệnh thiên chấp không đoạn không thường, nên gọi là Trung Đạo. (2) Hai là Tận Thiên Trung, do trên chỗ nói, bệnh thiên chấp nếu trừ, tức gọi là Trung Đạo. (3) Tuyệt Đãi Trung, căn bản đối trị bệnh thiên chấp, nói có Trung Đạo, bệnh thiên chấp đã trừ, Trung Đạo cũng không lập, không phải trung không phải thiên, nên gọi là Tuyệt Đãi Trung. (4) Thành Giả Trung, chánh đạo chưa từng có và không, vì hóa độ chúng sanh, giả nói có và không, nên dùng có và không làm giả, không phải có không phải không làm trung, như trung đây, làm thành nơi giả, nên gọi là Thành Giả Trung. Có thể thấy, Tông này chỗ gọi Trung Đạo, không phải có không phải không, pháp vô tướng của không Trung Đạo không phải không Trung Đạo, để dẫn đạo cho chúng sanh, dùng lời truyền đạt Trung Đạo.

#### 7/- Đại Ý Duy Thức Tông.-

Tông này có năm tên, (1) Một là Pháp Tướng Tông, là phân biệt thể tánh cùng tướng trạng của các pháp. (2) Hai là Duy Thức Tông, là truyết minh diệu lý của vạn pháp duy thức. (3) Ba là Phổ Vị Thừa Giáo Tông, giáo nghĩa Tông này xu hướng tất cả Thừa. (4) Bốn là Ứng Lý Viên Thật Tông, đây là lý chân thật viên mãn. (5) Năm là Từ A n Tông, Sư Huyền Trang, Sư Khuy Cơ nơi chùa Từ A n thành lập Tông này. Tông này căn cứ nơi 6 kinh 11 luận thành lập. Luận vũ trụ vạn hữu, tuy có vô lượng vô biên các pháp, quy nạp không ngoài năm ngôi vị một trăm pháp. Ngôi vị thứ nhất là Tâm, có tám Tâm Pháp, Ngôi vị thứ hai là Tâm Sở Hữu, tâm sở hữu có 51 pháp. Ngôi vị thứ ba là Sắc Pháp. Sắc Pháp có 11 pháp. Ngôi vị thứ tư là Tâm Bất Tương Ứng Hành, Tâm này có 24 pháp. Ngôi vị thứ năm là Vô Vi, ngôi vị này có 6 pháp.

Hơn nữa, sẽ buộc nó lại, không ra ngoài mười chữ [Năm pháp ba tự tánh, tám

thức hai vô ngã]. Năm pháp là: (1) Thứ nhất là Tướng, có hữu vi vô vi, hữu tình vô tình, các pháp trong ba cõi, đều có hình tướng sai biệt. (2) Thứ hai là Danh, nương nơi các tướng kia, thiết lập các thứ Danh, Tướng thì khả năng giải thích, Danh thì chỗ để giải thích. (3) Thứ ba là Phân Biệt, nơi danh và tướng ở trước, thức suy nghĩ dẫn đo phân biệt, danh và tướng là chỗ biết pháp, phân biệt là công năng biết tâm. (4) Thứ tư là Chánh Trí, quán sát danh và tướng, lẫn nhau làm khách, lìa hư vọng phân biệt, như lý mà biết. (5) Thứ năm là Như Như, chánh trí hợp lý, thể của các pháp đều giống nhau, thể biến khắp pháp giới, kia và đây đều là Như.

Tam Tự Tánh là (1) Thứ nhất là tánh mưu kế chấp trước biến khắp, chính là dùng vọng tình mưu tính danh tướng biến khắp, là có là không, hoặc sắc hoặc tâm, như thấy giầy thừng làm cho là con rắn, thật tình có mà lý thì không. (2) Thứ hai là Y Tha Khởi Tánh, các pháp theo các duyên để sanh, vốn không thể tánh, tuy không phải mê tình vọng tưởng, chỉ là pháp giả, như giầy thừng do giầy gai kết thành, thật tướng thì có mà thể tánh thì không. (3) Thứ ba là Viên Thành Thật Tánh, xa lìa tất cả phân biệt nói năng, thật tánh các pháp thành tựu viên mãn, như giầy thừng thật tánh là giầy gai, chính tướng là không mà tánh là có, tình là không mà lý là có.

Tám Thức, tức là Thức A Lại Da thứ tám, Thức Mạt Na thứ bảy, Ý Thức thứ sáu cùng năm Thức trước. A Lại Da là tiếng phạn, đây dịch là Tạng, có ba nghĩa là Năng Tạng, Sở Tạng, Chấp Tạng. Năng Tạng đây là Thức thứ tám, có khả năng hàm chứa bảy Thức trước và tất cả chủng tử, như kho chứa có thể chứa bảo vật. Sở Tạng đây, bảy Thức trước có thể huân tập thành chủng tử, dùng Thức thứ tám làm chỗ dung chứa, như kho chứa dùng dung chứa bảo vật. Chấp Tạng đây, Thức thứ bảy chấp chủng tử đây làm ngã, như vàng bạc vân vân, khiến người bảo trì kiên cố. Thức thứ bảy còn gọi là Truyề Tóng Thức, bên trong chấp Thức thứ tám làm ngã. Bên ngoài dùng Thức thứ sáu làm ngã dụng, dùng thông cả bên trong và bên ngoài, nên gọi là Truyề Tóng Thức. Thức thứ bảy này có bốn hoặc: (1) Ngã Si, si mê lý vô ngã, luôn luôn chấp làm ngã. (2) Ngã Kiến, kiến đây tức là chấp, không phải ngã chấp cho là ngã. (3) Ngã Ái, do đắm trước tham ái cái ngã, không chịu lìa bỏ. (4) Ngã Mạn, ngạo mạn với người khác, tâm tự đề cao. Do bốn thứ phiền não đây, vì thế không thể ra khỏi nạn sanh tử. Thức thứ sáu thông đồng ba tánh thiện ác và vô ký, tất cả thiện ác, Ý Thức là dẫn đầu, Ý Thức thiện thì thân và miệng đều thiện, Ý Thức ác thì thân và miệng đều tà, công thì nó đứng đầu, tội thì nó đầu sỏ. Năm Thức trước, tức là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, năm Thức này cùng Thức thứ tám đồng là tánh vô ký, chỉ phân biệt rõ hiện tại, mặc cho vận dụng chứng cảnh, không mang theo danh ngôn, nương nơi căn mà hiển bày, Nhãn căn biến khác, Nhãn Thức cũng biến theo, cho nên năm Thức theo năm căn mà đặt tên.

Hai vô ngã, một là Nhân Vô Ngã, hai là Pháp Vô Ngã. Nhân Vô Ngã đây, Ngã có nghĩa là chủ thể cùng tự tại, như thế nào hữu tình qua lại trong các cõi mà không có chủ thể thì không đặng tự tại hay sao? Cho nên phạm phu nơi tự thân và tha thân, chấp cho là nhân có ngã và pháp có ngã; chỉ là các chúng sanh hữu tình đều do năm uẩn tạo thành, nơi đây tìm ngã hoàn toàn không thể được, nên gọi là Nhân Vô Ngã. Pháp Vô Ngã đây, các pháp thể của chúng tuy sử dụng và duy trì tự tánh, có thể phát sanh giải bày vật chất, mà không có tánh thù thắng, chân thật tự tại để sử dụng, vả lại các pháp ngũ uẩn, chấp cho là có thật tự thể, có thể tự duy trì thật pháp, mà các pháp đều do các duyên giả hiện, nơi đây tìm cầu thật pháp để có thể duy trì tự thể, hoàn toàn không thể được, nên gọi là Pháp Vô Ngã. Tuy nhiên, Ngã và pháp đã không phải có thật, vì sao Phật nói các thánh giáo, cũng có các thứ ngã của các đức Phật và các Bồ Tát vân vân, các thứ pháp như ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới vân vân, chúng tùy theo tình cảm giả lập, đều không có nghĩa chân thật.

#### 8/- Đại Ý Mật Tông.-

Tông đây dùng trong ba mật, Khâu Mật Chân Ngôn lập Tông, nên gọi là Mật Tông, cũng gọi là Chân Ngôn Tông. Chân Ngôn đây, chân ngữ, như ngữ, bất vọng, tiếng không khác, Ma Ha Tỳ Lô Giá Na Phật, Mật Tông xưng là Đại Nhật Như Lai, nơi Cung Pháp Giới tự thọ pháp lạc, hằng thường diễn thuyết, đây là Giáo Mật Chân Ngôn. Thượng thủ là Bồ Tát Kim Cang Tát Đỏa, liền kết tập thành [Đại Nhật Kinh], [Kim Cang Đánh Kinh] gồm mười vạn bài tụng, đưa vào nơi tháp bằng sắt ở Nam Thiên Trúc. Đến sau Phật nhập diệt thời gian sáu trăm năm, Bồ Tát Long Thọ mở tháp sắt, đích thân đánh lễ Kim Cang Tát Đỏa, kế thừa tiếp nhận đại pháp, lại truyền cùng đệ tử là Long Trí, Long Trí gồm truyền hai bộ Đại Pháp cho Thiện Vô Quý và Kim Cang Trí.

Thiện Vô Quý nơi Đường Huyền Tông khai nguyên năm thứ tư, nơi Trường An dịch Kim Cang Đánh Hư Không Tạng Cầu Văn Trì Pháp. Năm 13 dịch thành [Đại Nhật Kinh] bảy quyển, liền mở Quán Đánh Mạn Trà La, mà thọ pháp nơi Nhất Hạnh A Xà Lê, đây là Mật Giáo đầu tiên truyền đến Trung Hoa. Thiền sư Nhất Hạnh bút thọ Đại Nhật Kinh, ghi lại bí nghĩa của kinh, làm thành [Đại Nhật Kinh Sớ] 20 quyển. Lại tạo Nghĩa Thích 14 quyển, tạo Yếu Điển của Mật Giáo.

Tam Tạng Kim Cang Trí, nơi năm khai nguyên thứ tám, đều cùng đệ tử của Kim Cang Trí là Tam Tạng Bất Không đồng đến Trường An khai đàn Quán Đánh, hoàng truyền rất hưng thịnh. Về sau Kim Cang Trí nhập diệt, Tam Tạng Bất Không lại trở về Ấn Độ, hơn nữa ông ta mang theo kinh sách vân vân hơn 500 bộ,

đến năm Thiên Bảo năm thứ năm Bất Không trở lại nhà Đường, hoằng truyền Mật Giáo rộng lớn, Bất Không cùng Thiện Vô Quý, Kim Cang Trí, đều xưng là Khai Nguyên Tam Đại Sĩ.

Đệ tử đặc pháp của Tam Tạng Bất Không gồm có năm vị như: Hàm Quang, Huệ Lãng, Đàm Trinh, Giác Siêu, Huệ Quả vân vân. Mà Đại Sư Huệ Quả là nhà bác học thâm huệ, lại truyền pháp nơi Nghĩa Tháo, Không Hải vân vân gồm 16 người. Không Hải là người Nhật Bản, học pháp xong trở về nước, hoằng thâm nghĩa rộng lớn, đến nay Bác Trì, Bất Tuyệt xưng là Đông Mật.

Tông này lấy đương thể của pháp giới vạn hữu, tức là Đại Nhật Như Lai, Đại Nhật Như Lai đây, đầy đủ hai đức lý và trí, mà do vàng và thai tạng hai bộ Mạn Trà La để biểu hiện nó. Thai Tạng Giới Mạn Trà La, biểu hiện đầy đủ lý của tánh, chúng sanh vốn có đức tánh, thâm nhiếp quảng lý hàm chứa tất cả công đức của Như Lai, mà chưa từng hiển hiện, như bào thai của người mẹ thâm nhiếp và tàng trữ hài nhi, nên gọi là Thai Tạng Giới. Kim Cang Giới Mạn Trà La, biểu hiện trí của sự tu hành hiển lộ, trí huệ của Như Lai, có thể, vì có thể phá trừ các hoặc chướng, mà chứng lý của thật tướng, kiên cố sắc bén, có như kim cương, nên gọi là Kim Cang Giới. Lý tiêu biểu bình đẳng, trí tiêu biểu sai biệt, Lý là vốn có thật, nên phối hợp với Bản Giác. Trí là do tu mà phát sanh, nên phối hợp với Thi Giác. Thai Tạng Giới là nhân, nơi trong Lục Đại Lục Đại gồm có: Đất, Nước, Gió, Lửa, Nước, Thức) dùng Ngũ Đại trước. Kim Cang Giới là quả, nơi trong Lục Đại, thì dùng Thức Đại. Lại nữa hai bộ Mạn Trà La đây, mặc dù có hai, thực tế thì không có hai, pháp môn có sai biệt, mà thể thì không phân biệt.

Mật Tông còn dùng lục đại làm Thế Đại, Lục Đại gồm có sáu đại duyên khởi là, địa, thủy, hỏa, phong, không, thức, mỗi mỗi đều biến khắp pháp giới, làm bản thể của tất cả pháp, gọi Lục Đại Thế Đại. Không luận Thế Xuất Thế Gian, vạn sự vạn vật, Không, không phải duyên khởi lục đại. Tất cả chúng sanh, từ đầu đến chân, do trong và ngoài cũng đều là do lục đại đây tạo thành. Cho nên tất cả pháp, không lìa khỏi lục đại. Pháp tánh của lục đại, biến khắp pháp giới, tất cả pháp tánh, đều là Đại Nhật Như Lai, Đại Nhật Như biến khắp pháp giới. Sáu đại của Thân Phật, cùng sáu đại của chúng sanh, cho đến sáu đại của tất cả pháp, không ngăn cách không sai biệt.

Tông này chỗ lập Tướng Đại trong ba đại, tức là bốn thứ Mạn Trà La của ba đại, Tam, Pháp, Yết, chính là trên bản thể của sáu đại, chỗ hiện tướng trạng của sai biệt. Các thứ tướng hảo của các đức Phật và Bồ Tát, làm Đại Mạn Trà La. Chỗ hành trì gồm có đồ vật, dao, kiếm, linh, chày kim cương vân vân, dùng tiêu biểu cho kẻ thế nguyên đối với các bậc tôn kính, làm Tam Muội Da Mạn Trà La. Như chúng

từ chân ngôn, dùng đại biểu phù hiệu của các bậc tôn kính, làm Pháp Mạn Trà La. Động tác oai nghi vân vân của các bậc tôn kính, làm Yết Ma Mạn Trà La. Hơn hết, từ chúng sanh cho đến nơi Phật, tất nhiên đều hiện tướng đầy đủ của bốn Mạn Trà La này, mỗi mỗi hàm chứa công đức của bảo tướng. Như Lai cũng đầy đủ bốn Mạn Trà La của chúng sanh, chúng sanh cũng đầy đủ bốn Mạn Trà La của Như Lai, chúng sanh và Phật giống nhau như một, liên quan lẫn nhau với người.

Tam Mật tác dụng, biến khắp pháp giới, thuộc nơi Dụng Đại. Tam Mật đây, một là Thân Mật, hai là Ngũ Mật, ba là Ý Mật. Pháp Phật ba mật, sâu xa vi tế, Đẳng Giác Thập Địa, không thể thấy nghe, nên gọi 12 Mật, Như Lai nhân vì ba Mật, mà có thể thành tựu công đức thanh tịnh, thể tướng pháp giới, làm cho nó thành Thân Mật, tất cả âm thanh, làm cho nó thành Ngũ Mật, công dụng biến khắp Thức Đại, làm cho nó thành Ý Mật.

Người thực hành Tông này, dựa vào năng lực công đức quán tưởng bốn Tôn, đem ý nghiệp của tự mình, chuyển thành Ý Mật của Như Lai, dựa vào năng lực công đức của kết thủ ấn, đem thân nghiệp của tự mình, chuyển thành Thân Mật của Như Lai, vừa vào năng lực công đức của trì chú, đem Khẩu Nghiệp của chính mình, chuyển thành Khẩu Mật của Như Lai. Vừa vào sự tác dụng gia trì của Tam Mật, tất cả chúng sanh, đều đặng thành Phật, tất cả quốc độ, có thể thành Tịnh Độ.

Tông này chủ trương thân liền thành Phật, tất cả chúng sanh trực tiếp thể nghiệm Thể của sáu đại, thể nghiệm Tướng của tứ mạn, thể nghiệm Dụng của tam mật. Mỗi mỗi vốn có đầy đủ đức tánh của Như Lai, thân sẽ là giác ngộ ngôi vị của Đại Nhật Như Lai, nhưng vì vô minh phiền não chướng ngại che, không tự giác ngộ. Nếu người tàng trữ chân ngôn mật, tay bắt ấn tương hợp, miệng đọc chân ngôn, tâm trụ tam ma địa, tam mật gia trì tương ứng, không động cha mẹ chướng ngại phạm thân, đốn chứng thể nghiệm ngôi vị Đại Nhật Phật, là vì giáo nghĩa của Tông này thân liền thành Phật.

Nghĩa thân liền thành Phật, có ba thứ lý đủ, gia trì, hiển đặc. (1) Một là Lý Đủ Thành Phật đây, tức là sáu đại thân tâm của chúng sanh, vốn đầy đủ tánh đức của lý trí Như Lai, chúng sanh cùng Phật đồng một tánh lý, đây tức là lý đầy đủ thành Phật. (2) Hai là Gia Trì Thành Phật, tức là do gia trì tam mật, thành tựu diệu hạnh của thân liền thành Phật, khai mở hiển bày quả đức bản giác của chúng sanh, đây tức là gia trì thành Phật. (3) Ba là hiển bày đượ thành Phật đây, tức là do diệu hạnh thành tựu của tam mật, chứng vào diệu quả vô thượng, vốn đầy đủ vạn đức lý trí, đến đây hoàn toàn khai mở hiển bày, đây tức là hiển bày đượ thành

Chân ngôn hành đây, nên quán các pháp từ nhân duyên sanh không có tự tánh,

do nơi tập luyện quán lâu năm, đặng các thứ pháp chứng nghiệm hiện tiền, cho đến chư Phật hải hội vô lượng trang nghiêm. Nếu sanh tâm dựa vào ngã mạn, lúc đó ma được tiện lợi, hoặc thôi thất tam muội, hoặc đọa vào cảnh ma, đương lúc thâm tu một câu mười duyên sanh làm trợ giúp hành trì, các pháp như huyễn, xa lìa ma chướng. Câu mười duyên sanh đây, (1) Huyễn, huyễn sư chỗ tạo ra các thứ sắc tượng. (2) Lửa Mặt Trời, đầu xuân đồng bằng bát ngát, không gian bụi trần hòa hợp, hiện tại tợ như tướng nước. (4) Ảnh, dụ như ảnh tượng trong gương. (5) Hải Thị Hận Lâu, do không khí phản xạ, cổ nhân cho là không khí của thủy tộc pun ra, (Ảnh giả ảo tượng do ánh sáng soi vào biển cả rọi lên không, tạo ra muôn hình vạn trạng rực rỡ giống như nhà cửa cung điện). Nên gọi là Hận Lâu. (6) Hương, trong thâm sơn cùng cốc, do tiếng chuyên động. (7) Thủy Nguyệt, trong nước chỗ hiện bóng mặt trăng. (8) Phù Bào, là bọt nước nổi trên mặt nước. (9) Không Hoa, do mắt bị bệnh thấy trong hư không có hoa. (10) Toàn Hỏa Luân, cầm ngọn lửa xoay tròn trong không, phát sanh hiện tượng vòng lửa. Vạn hạnh phương tiện, đều mượn câu mười duyên sanh đây, tịnh trừ tâm cấu, phá tất cả tình chấp, đạt đến diệu quán bất sanh bất diệt vậy.

#### 9/- Đại Ý Luật Tông.-

Phật Đà thành đạo ở thời kỳ đầu, đều không chế giới, chỉ có huấn thị [Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo] (Các điều ác chớ làm, các điều thiện vâng làm, tự tịnh ý của mình, là lời giáo huấn của các đức Phật). Thẳng đến khi năm thứ năm, có một tỳ kheo bị mẹ bắt buộc hoàn tục cưới vợ, nhân đó, Phật giáo giới luật liên tục được chế định.

Căn cứ nơi sự truyền thừa chỗ nói, thời gian Phật nhập diệt một trăm năm, do Ca Diếp truyền cho A Nan, lại truyền Mạt Điền Địa, Thương Na Hòa Tu, Ưu Bà Quạt Đa, năm sư kế thừa nhau, như bình nước chảy nhanh, đều không chi nhánh. Nơi Ưu Bà Quạt Đa trở xuống, có năm vị đệ tử, đối với nội dung luật tạng, đều tự giữ lại và bỏ đi không giống nhau, liền phân thành 5 bộ luật, cho đến 20 bộ. Năm bộ luật đây, (1) Đàm Vô Đức Bộ. Đây gọi là Pháp Mật, tức Luật Tứ Phần, nơi trong luật tạng của Thượng Tọa Bộ, tụ tập thành văn, theo truyền thuyết ngăn cấm, tức là một phần, như là Tứ Độ, một bộ Phương Tụ. Phần thứ ba 20 quyển, tức Tỳ Kheo Giới. (2) Một trăm năm mươi điều. Phần thứ hai 15 quyển, tức là Tỳ Kheo Ni Giới, 348 điều. Phần thứ ba 14 quyển, tức là quy tắc an cư tự tứ vân vân. Phần thứ tư 11 quyển, tức là phòng xá, thọ y, các thứ tạp pháp của diệt tránh. Hai là Tát Bà Đa Bộ. Đây gọi là Nhất Thế Hữu Bộ, tức là Thập Tụng Luật. (3) Di Sa Tắc Bộ. Đây gọi là Bất Trước Hữu Vô Quán, tức là Ngũ Phần Luật. (4) Ca Diếp Di Bộ. Đây gọi là Trùng Không Quán, tức đặng giải thoát. (5) Bà Thô Phú La Bộ. Đây gọi là Trước Hữu Hạnh, chưa truyền vào Trung Thổ, dùng trên đều thuộc Tiểu Thừa.



Trung Quốc có giới luật, đầu tiên nơi thời Tam Quốc, Tào Ngụy Gia Bình năm thứ hai, do Đàm Ma Ca La Tôn Giả người Trung Thiên Trúc, nơi Bạch Mã Tự ở Lạc Dương, dịch Tứ Phần Luật Yết Ma Pháp, liền thỉnh phạm tăng lập Yết Ma Pháp, truyền thọ giới tỳ kheo, Trung Quốc có tỳ kheo đầu tiên. Trải qua 550 năm, từ Phật Đà Da Xá, Trúc Phật Niệm Tôn Giả, sau khi dịch Tứ Phần Luật, cổ đức trước thuật có 20 nhà. Tứ Phần Luật hoàng dương khởi đầu nơi Ngụy năm thứ nhất Luật Sư Pháp Thông, truyền xuống trải qua hơn mười năm, đến Luật Sư Đạo Tuyên, gồm thông ba tạng, chuyên nghiên cứu Tỳ Ni, sáng tác 『Giới Bản Sớ』, 『Yết Ma Sớ』, 『Hành Sự Sao』, ba đại bộ và 『Xả Tỳ Ni Nghĩa Sao』, 『Tỳ Kheo Ni Sao』, gồm xưng là Ngũ Đại Bộ. Ngài Đạo Tuyên dùng Duy Thức Học, dung thông Đại Tiêu Thừa, thành lập Diệu Giới Nhất Thừa Viên Đốn, cho nên Tông này dùng Luật Sư Đạo Tuyên làm Cao Tổ. Nhân Tông này trụ nơi núi Chung Nam, người đời sau xưng là Nam Sơn Tông. Lại dùng Tứ Phần Luật làm Tông, nên cũng xưng là Tứ Phần Luật Tông.

Luật có ba tên: (1) Tỳ Ni, đây dịch là luật, tội có nhẹ có nặng, căn cứ nơi pháp mà phán định, phạm cùng không phạm, không phải luật không phân định, cho nên xưng là Tỳ Ni. (2) Thi La, đây dịch là giới, cũng gọi là thanh lương, ba nghiệp như lửa, thiêu đốt đức hạnh của con người, nếu thọ tịnh giới, giới có thể phòng ngừa phi pháp, nên gọi là thanh lương. (3) Ba La Đề Mộc Xoa, đây dịch là Biệt Giải Thoát, nếu thọ trì sao gọi là chúng giới, tức đặng hạt giống giải thoát, cũng gọi là xú xú giải thoát, nên gọi là Biệt Giải Thoát.

Giới có giới tại gia cùng giới xuất gia, giới tại gia có bốn thứ: (1) Tam Quy Giới, (2) Ngũ Giới, (3) Bát Quan Trai Giới, (4) Bồ Tát Giới. Giới Xuất Gia có năm thứ: (1) Giới Sa Di và Sa Di Ni, (2) Giới Thức Xoa Ma Na. (3) Giới Tỳ Kheo. (4) Giới Tỳ Kheo Ni. (5) Giới Bồ Tát. Cộng có bảy chúng đệ tử Phật, tính có tỳ kheo, tỳ kheo ni, sa di, sa di ni, thức xoa ma na ni, ưu bà tắc và ưu bà di vân vân.

Lại nữa, giới Tiểu Thừa cùng giới Đại Thừa. Giới Tiểu Thừa đây, tức là năm giới, tám giới, mười giới, cụ túc giới. Tất cả giới, đều có bốn khoa: một là giới pháp, hai là giới thể, ba là giới hành, bốn là giới tướng. Giới Pháp đây, Như Lai chế giới pháp. Giới Thể đây, theo sư thọ giới, lãnh nạp giới thể, phòng lỗi ngăn ác, không phải sắc không phải tâm. Giới Hành đây, đã phát giới thể, tùy khả năng giữ gìn, vận dụng thân miệng ý, tu tạo thiện nghiệp. Giới Tướng đây, trì giới được đức hạnh duyên dáng ngoại hình rực rỡ, tướng của nó là người mẫu mực khuôn phép, Cổ Đức nói: [Thánh nhân chế tên giáo pháp, tiếp nhận pháp thành nghiệp gọi là thể, nương nơi thể hộ trì gọi là hành, là hành thì có nghi thức gọi là tướng.]

Lại nữa, thế gian giới cùng xuất thế giới. Thế gian giới tức năm giới, tám giới.

Xuất thế gian giới, thập giới, cụ túc giới. Giới có hai thứ: Một là Chỉ Trì Giới. Hai là Tác Trì Giới. Chỉ Trì Giới đây, chỉ là ngăn cấm, không làm các điều ác, giới thể trước kia trong sạch, thuận theo chỗ thọ căn bản gọi là chỉ trì. Tác trì đây, tác là tạo tác, sách tấn khích lệ ba nghiệp, tạo tác các điều lành, tu tập giới hạnh, có điều lành phát khởi hộ trì, nên gọi là tác trì. Tiểu Thừa Giới đây, phần nhiều là chỉ trì, nên chưa thọ giới đây, không được thấy nghe, dễ sanh khinh mạn, vì sợ sẽ thành chương ngại. Đại Thừa giới có Tam Tụ Tịnh Giới, 1/- Nhiếp Luật Nghi Giới, 2/- Nhiếp Thiện Pháp Giới, 3/- Nhiếp Chúng Sanh Giới. Đại Thừa Giới đây, phần nhiều là Tác Trì, không luận nam nữ, thọ cùng chưa thọ, đều có thể hoan hỷ nghe, vì là hạt giống thiện căn.

Lại nữa, sát đạo dâm vọng đều thuộc về tánh giới, tội của chúng rất nặng. Còn uống rượu giới, tránh đời bàn luận dèm pha, gọi là già giới, tội của nó còn nhẹ.

Lại nữa, thân đoạn tất cả điều ác, gọi là luật nghi giới, tâm đoạn tất cả ác, giới là định cộng giới, tu đến tứ thiên, trong thân tự sanh, phòng tội ngăn ác. Không còn để đoạn, gọi là đạo cộng giới, Thánh giả ba thừa, thấy đạo tu đạo, trí huệ vô lậu phát sanh, trong tâm tự tại, phòng lỗi ngăn ác.

Đại Thừa Bồ Tát Giới Bản, cộng chung có sáu thứ: 1/- Bồ Tát Anh Lạc Giới Bản, có mười giới trọng, không có giới khinh. 2/- Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bản, có mười giới trọng, 48 giới khinh. 3/- Du Già Bồ Tát Giới Bản, có 4 giới trọng, 43 giới khinh. Ba thứ giới đây, xuất gia tại gia đều có thể đồng thọ. 4/- Bồ Tát Địa Trì Kinh Giới Bản, có 4 giới trọng, 43 giới khinh. 5/- Bồ Tát Thiện Giới Kinh Bản, có 8 giới trọng, 46 giới khinh, hai thứ giới đây, chỉ người xuất gia mới thọ. 6/- Bồ Tát Ưu Bà Tác Kinh Giới Bản, có 6 giới trọng, 28 giới khinh, giới đây chỉ người tại gia mới thọ.

Thọ Bồ Tát Giới có hai thứ tánh chất: 1/- Đốn Thọ, tuy chư từng thọ bảy chúng giới, cũng có thể đơn độc thọ Bồ Tát Giới. 2/- Tiệm Thọ, trước phải thọ tam quy ngũ giới, sau đó mới thọ Bồ Tát Giới.

Giới có khinh và trọng, mỗi tên căn bản gọi không giống nhau, ①Anh Lạc Kinh② gọi 10 giới trọng, gọi là 10 điều không không thể sám hối. ②Kinh Phạm Võng③ gọi là 10 Ba La Di, Du Già Giới Bản gọi là 4 Tha Thắng Xứ. ③Kinh Ưu Bà Tác④ gọi là 6 Trọng Pháp. Dùng Kinh Giới lại nói ③Kinh Phạm Võng④ gọi là Khinh Cấu Tội. ③Kinh Ưu Bà Tác④ gọi là Thất Ý Tội.

Chúng sanh vô lượng, hư không vô biên, giới thiện giống nhau như thế, cũng không chia đều nhau, Giới Đại Thừa dùng 3 Tụ Tịnh Giới, thâm nhiếp không cùng

tận, tận nghĩa là tổng nhiếp. (1) Nhiếp Chúng Sanh Giới, rộng độ tất cả chúng sanh, không chúng sanh nào không độ, tức là [Chúng sanh vô biên thế nguyện độ.] (2) Nhiếp Luật Nghi Giới, mà tất nhiên đoạn trừ tất cả điều ác, không điều ác nào mà không đoạn trừ, tức là [Phiền não vô tận thế nguyện đoạn]. (3) Nhiếp Thiện Pháp Giới, mà khắp tu tất điều thiện, không điều thiện nào không tu, tức là [Pháp môn vô lượng thế nguyện học]. (4) Phật Đạo Vô Thượng Thế Nguyện Thành.] Trên đây Bỏ Tất chỗ cần phát nguyện [Tứ Hoàng Thế Nguyện.]

Hết

Dịch xong ngày 20. 9. 2021

Chùa Bảo Phước

Trung tâm phiên dịch và trước tác

Thích Thắng Hoan

Bài liên hệ

[Phật Học Văn Tập 1,2](#)

[Phật Học Văn Tập 3](#)

[Phật Học Văn Tập 4](#)

[Phật Học Văn Tập 5](#)

Phật Học Văn Tập 6 (phần cuối)



Trưởng lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan thuyết giảng về “Đặc Điểm Của Bát Quan Trai” nhân khóa tu Bát quan trai tại chùa Bảo Phước ngày 18/9/2021.